

Số: /QĐ-CAT-PC08

Nghệ An, ngày tháng 6 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
TỔ CHỨC KỲ SÁT HẠCH LÁI XE

GIÁM ĐỐC CÔNG AN TỈNH NGHỆ AN

Căn cứ Thông tư số 09/2025/TT-BCA ngày 25/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Thông tư số 12/2025/TT-BCA ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về sát hạch, cấp giấy phép lái xe; cấp, sử dụng giấy phép lái xe quốc tế; Theo đề nghị của đồng chí Trưởng Phòng Cảnh sát giao thông.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép tổ chức kỳ sát hạch lái xe ô tô cho tổng số: 648 thí sinh, hạng B, C1 (có danh sách thí sinh dự thi kèm theo).

Kỳ sát hạch được tiến hành ngày 19/6/2026 tại Trung tâm Đào tạo và Sát hạch lái xe Miền Trung thuộc Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển Miền Trung, địa chỉ: phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An (có mã QR kèm theo).

Điều 2. Thành lập Hội đồng sát hạch gồm các thành viên có tên dưới đây:

1. Đồng chí Thượng tá Nguyễn Hàm Thắng, Chức vụ: Phó Trưởng phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh, Chủ tịch Hội đồng;

2. Đồng chí Thượng tá Phạm Văn Lực, Chức vụ: Đội trưởng Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh, Phó Chủ tịch Hội đồng;

3. Ông: Cao Thanh Tĩnh, Chức vụ: Giám đốc Trung tâm Đào tạo và Sát hạch lái xe Miền Trung, Ủy viên Hội đồng;

4. Đồng chí Đại úy Lê Cảnh Đức, Chức vụ: Cán bộ Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh, Thư ký.

5. Các sát hạch viên (có danh sách kèm theo).

Trách nhiệm của từng thành viên do Chủ tịch hội đồng phân công.

Điều 3. Hội đồng sát hạch có các nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Thông tư số 12/2025/TT-BCA ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về sát hạch, cấp giấy phép lái xe; cấp, sử dụng giấy phép lái xe quốc tế. Kết thúc kỳ sát hạch, lập biên bản tổng hợp kết quả sát hạch, Hội đồng sát hạch tự giải thể.

Điều 4. Hội đồng sát hạch và thí sinh có tên tại các Điều 1, Điều 2 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Đ/c Giám đốc | (để báo cáo)
- Cục C08 BCA
- Như Điều 4 (để thực hiện);
- Lưu: VT, PC08(Lục).



**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Đại tá Nguyễn Đức Cường

DANH SÁCH SÁT HẠCH VIÊN

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-CAT-PC08 ngày /6/2026 của Công an tỉnh)

TT	CẤP BẠC, HỌ TÊN	NHIỆM VỤ
1	Thượng tá Phạm Văn Lực	Sát hạch viên
2	Trung tá Bùi Thái Cường	Sát hạch viên
3	Trung tá Vũ Minh Phương	Sát hạch viên
4	Trung tá Nguyễn Quốc Phúc	Sát hạch viên
5	Trung tá Đặng Trọng Quang	Sát hạch viên
6	Trung tá Phạm Công Thành	Sát hạch viên
7	Trung tá Bùi Thanh Sơn	Sát hạch viên
8	Trung tá Lê Văn Hùng	Sát hạch viên
9	Thiếu tá Nguyễn Ngọc Tú	Sát hạch viên
10	Thiếu tá Hoàng Quốc Đạt	Sát hạch viên
11	Thiếu tá Nguyễn Việt Cường	Sát hạch viên
12	Thiếu tá Nguyễn Quốc Anh	Sát hạch viên
13	Đại úy Nguyễn Văn Phương	Sát hạch viên
14	Đại úy Nguyễn Tuấn Anh	Sát hạch viên
15	Thượng úy Trần Thiện Hoàng	Sát hạch viên

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ SÁT HẠCH ĐỀ CẤP GIẤY PHÉP LÁI XE

(Kèm theo Quyết định số: 3367/QĐ-CAT-PC08 ngày 17 tháng 6 năm 2026 của Công an tỉnh Nghệ An)

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
1	ĐẶNG QUANG TUẤN AN	30/07/2002	*****71	Xã Thuận Trung, Tỉnh Nghệ An	x	A1	51743
2	NGUYỄN THỊ MAI ANH	18/08/2007	*****85	Xã Nam Đàn, Tỉnh Nghệ An	x	A1m	51562
3	TRẦN ĐỨC ANH	11/08/2007	*****43	Phường Trường Vinh, Tỉnh Nghệ An	x	A1m	51563
4	NGUYỄN ĐỨC ANH	12/08/2001	*****24	Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An	x	A1	51597
5	PHÙNG DUY NGỌC ANH	25/01/2003	*****97	Phường Vinh Lộc, Tỉnh Nghệ An	x		51598
6	NGUYỄN THỊ NGỌC ANH	18/10/1998	*****08	Xã Quảng Châu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	49126
7	NGUYỄN HỒNG ANH	24/11/2005	*****13	Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An	x	A1	51723
8	NGUYỄN NGỌC ANH	26/09/2006	*****36	Phường Vinh Phú, Tỉnh Nghệ An	x		49822
9	NGUYỄN THỊ MỸ ANH	21/09/2007	*****86	Phường Trường Vinh, Tỉnh Nghệ An	x		51748
10	NGUYỄN VĂN ANH	21/03/2004	*****13	Phường Trường Vinh, Tỉnh Nghệ An	x		51536
11	VÕ CÔNG ANH	21/05/2006	*****69	Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An	x	A1	51449
12	NGUYỄN QUANG ANH	08/06/2006	*****24	Phường Đông Tiến, Tỉnh Thanh Hóa	x	A1	51465
13	NGUYỄN THỊ NGỌC ÁNH	26/06/1992	*****45	Phường Vinh Hưng, Tỉnh Nghệ An	x		48839
14	BÙI THỊ NGỌC ÁNH	10/11/1995	*****13	Xã Con Cuông, Tỉnh Nghệ An	x	A1	51450
15	NGUYỄN NGỌC BẢO	21/08/1999	*****86	Xã Vinh Tường, Tỉnh Nghệ An	x	A1	51680

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
16	HỒ SỸ BẢO	28/08/2000	*****94	Phường Trường Vinh, Tỉnh Nghệ An	x	A1	51250
17	LÊ THỊ BÍCH	03/03/1977	*****51	Xã Thiệu Tiến, Tỉnh Thanh Hóa	x		51626
18	NGUYỄN THỊ BIÊN	08/12/1980	*****78	Phường Vinh Lộc, Tỉnh Nghệ An	x		51599
19	NGUYỄN THỊ BỘ	06/04/1985	*****18	Xã Quỳnh Hợp, Tỉnh Nghệ An	x		51751
20	VÕ VĂN CHÂN	22/08/1984	*****42	Xã Nghi Xuân, Tỉnh Hà Tĩnh	x		51354
21	TRẦN THỊ MINH CHÂU	18/07/2002	*****41	Xã Đức Thịnh, Tỉnh Hà Tĩnh	x	A1	51564
22	LÊ THỊ CHÂU	01/04/1992	*****76	Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An	x		49323
23	DƯƠNG THỊ CHÂU	02/09/1983	*****96	Xã Đô Lương, Tỉnh Nghệ An	x		51502
24	NGUYỄN CÔNG MINH CHÂU	05/01/2005	*****13	Xã Sơn Giang, Tỉnh Hà Tĩnh	x	A1	50823
25	NGUYỄN THỊ MỸ CHI	04/08/1992	*****71	Phường Cửa Lò, Tỉnh Nghệ An	x		51565
26	HUỠNG THỊ CHI	01/06/1985	*****99	Xã Tiên Phong, Tỉnh Nghệ An	x	A1	51600
27	TRẦN HOÀNG ANH CHI	02/08/2007	*****73	Xã Hưng Nguyên Nam, Tỉnh Nghệ An	x	A1	51207
28	NGUYỄN QUỲNH CHI	28/12/2007	*****59	Phường Vinh Phú, Tỉnh Nghệ An	x		51724
29	LÊ XUÂN CHINH	01/05/1983	*****03	Xã Đại Đồng, Tỉnh Nghệ An	x	A1	51653
30	CAO HỮU CHÍNH	30/06/2004	*****44	Xã Quỳnh Anh, Tỉnh Nghệ An	x	A1	51681
31	BÙI VĂN CHÍNH	21/05/2003	*****45	Phường Thái Hòa, Tỉnh Nghệ An	x		51353
32	DÈNH BÁ CHỚ	12/05/1987	*****18	Xã Bắc Lý, Tỉnh Nghệ An	x	A1	51761

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
33	LÊ ĐỨC CHUNG	20/04/1983	*****48	Xã Sơn Tây, Tỉnh Hà Tĩnh	x		51390
34	PHẠM KỶ CÔNG	15/03/1975	*****28	Xã Quỳnh Lưu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	51627
35	PHAN SĨ CÔNG	10/10/1976	*****79	Xã Quỳnh Hợp, Tỉnh Nghệ An	x	A1	51675
36	MÙA BÁ CU	19/04/1976	*****99	Xã Na Ngoi, Tỉnh Nghệ An	x	A1	51391
37	CHU MẠNH CƯỜNG	09/10/2003	*****65	Xã Cổ Đạm, Tỉnh Hà Tĩnh	x		51566
38	PHAN VĂN CƯỜNG	14/04/1994	*****29	Xã Yên Trung, Tỉnh Nghệ An	x		51682
39	VI VĂN CƯỜNG	03/06/2001	*****70	Xã Bình Chuẩn, Tỉnh Nghệ An	x	A1	51683
40	NGUYỄN KHẮC ĐẮC	19/05/1974	*****80	Phường Cửa Lò, Tỉnh Nghệ An	x		51713
41	NGUYỄN ĐÌNH ĐẠI	20/12/1997	*****01	Xã Đông Lộc, Tỉnh Nghệ An	x	A1	51567
42	PHẠM VĂN ĐẠI	07/03/1995	*****05	Xã Vũ Quang, Tỉnh Hà Tĩnh	x		51467
43	PHẠM BÁ DÀN	27/07/1986	*****50	Xã Kim Liên, Tỉnh Nghệ An	x		51468
44	NGUYỄN HẢI ĐĂNG	11/09/2007	*****24	Xã Đức Thọ, Tỉnh Hà Tĩnh	x		51421
45	HOÀNG HẢI ĐĂNG	04/08/2005	*****56	Xã Tiên Điền, Tỉnh Hà Tĩnh	x		51368
46	TRẦN THỊ ANH ĐÀO	22/04/1978	*****43	Phường Cửa Lò, Tỉnh Nghệ An	x	A1	51503
47	TRẦN QUANG THÀNH ĐẠT	07/01/2003	*****49	Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An	x	A1	51351
48	NGUYỄN THÀNH ĐẠT	26/05/2004	*****22	Xã Thiên Nhãn, Tỉnh Nghệ An	x	A1	51356
49	NGUYỄN ĐÌNH ĐIỀN	04/09/1987	*****96	Xã Xuân Lâm, Tỉnh Nghệ An	x	A1	50937

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
50	VÕ VĂN ĐÌNH	06/10/1992	*****45	Xã Thuận Trung, Tỉnh Nghệ An	x	A1	51279
51	KHA THỊ ĐỜI	05/02/1986	*****40	Xã Bình Chuẩn, Tỉnh Nghệ An	x		46639
52	PHẠM MINH ĐỨC	19/08/2003	*****34	Phường Trường Vinh, Tỉnh Nghệ An	x	A1	51654
53	NGUYỄN HỮU ĐỨC	25/11/1957	*****65	Xã Lộc Hà, Tỉnh Hà Tĩnh	x		51422
54	PHAN VĂN ĐỨC	14/02/2003	*****09	Phường Vinh Lộc, Tỉnh Nghệ An	x		50824
55	VÕ THỊ THUY DUNG	03/01/1991	*****63	Xã Nghi Xuân, Tỉnh Hà Tĩnh	x		48039
56	ĐẶNG HOÀNG DUNG	25/03/2007	*****03	Phường Trường Vinh, Tỉnh Nghệ An	x		51193
57	PHAN THỊ THUY DUNG	12/01/1994	*****70	Xã Tứ Mỹ, Tỉnh Hà Tĩnh	x	A1	51229
58	PHAN THỊ DUNG	28/04/1989	*****35	Xã Nghĩa Hành, Tỉnh Nghệ An	x		51725
59	NGUYỄN THỊ DUNG	10/02/1984	*****25	Xã Sơn Hồng, Tỉnh Hà Tĩnh	x	A1	51762
60	NGUYỄN VĂN DŨNG	12/10/1979	*****35	Xã Hương Khê, Tỉnh Hà Tĩnh	x	A1	51601
61	CAO ĐÌNH DŨNG	05/03/1970	*****21	Xã Quỳnh Hợp, Tỉnh Nghệ An	x		51676
62	CAO VĂN TIẾN DŨNG	23/04/2007	*****37	Xã Hải Lộc, Tỉnh Nghệ An	x		51684
63	HỒ TIẾN DŨNG	18/08/1994	*****51	Xã Nghi Xuân, Tỉnh Hà Tĩnh	x	A1	51685
64	NGUYỄN TIẾN DŨNG	10/10/1972	*****90	Xã Sơn Hồng, Tỉnh Hà Tĩnh	x		50007
65	TRẦN TIẾN DŨNG	09/03/1991	*****18	Xã Kim Liên, Tỉnh Nghệ An	x		51111
66	THÁI HOÀNG DŨNG	11/11/2000	*****10	Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An	x	A1	51526

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
67	NGUYỄN VĂN DŨNG	12/10/2007	*****51	Phường Trường Vinh, Tỉnh Nghệ An	x		51282
68	KHA THỊ THẢO DƯƠNG	01/07/2005	*****09	Xã Bình Chuẩn, Tỉnh Nghệ An	x	A1	51706
69	BÙI ĐĂNG DƯƠNG	30/04/2002	*****35	Xã Đức Thọ, Tỉnh Hà Tĩnh	x		46541
70	TRẦN HOÀNG DƯƠNG	25/01/2005	*****04	Xã Quỳnh Lưu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	51763
71	NGUYỄN THỊ HỒNG DUYÊN	27/06/1996	*****65	Xã Đức Thọ, Tỉnh Hà Tĩnh	x	A1	51726
72	NGUYỄN HUY GIANG	12/05/2004	*****81	Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An	x		51686
73	TRẦN VĂN GIANG	02/09/1968	*****57	Xã Yên Xuân, Tỉnh Nghệ An	x		51326
74	NGUYỄN THỊ KIẾN GIANG	12/06/1986	*****03	Xã Đại Xuyên, Thành phố Hà Nội	x		51394
75	VÕ THỊ THU GIANG	17/12/1989	*****93	Xã Tiên Điền, Tỉnh Hà Tĩnh	x	A1	45470
76	HOÀNG HỮU GIANG	10/02/2000	*****72	Xã Đô Lương, Tỉnh Nghệ An	x	A1	51358
77	NGUYỄN TRƯỜNG GIANG	19/02/1974	*****36	Xã Sơn Tây, Tỉnh Hà Tĩnh	x		51787
78	HOÀNG VĂN GIÁP	19/05/1984	*****34	Xã Nam Đàn, Tỉnh Nghệ An	x		51568
79	HOÀNG THỊ HÀ	01/01/1974	*****05	Xã Hưng Nguyên, Tỉnh Nghệ An	x	A1	51569
80	NGUYỄN VIỆT HÀ	25/12/1981	*****39	Xã Quỳnh Lưu, Tỉnh Nghệ An	x		51655
81	NGUYỄN VIỆT HÀ	29/09/2002	*****28	Xã Lương Sơn, Tỉnh Nghệ An	x		51687
82	NGUYỄN NGỌC HÀ	15/10/1973	*****87	Xã Lương Sơn, Tỉnh Nghệ An	x		51506
83	HỒ SỸ HÀ	06/06/1976	*****99	Xã Toàn Lưu, Tỉnh Hà Tĩnh	x		51423

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
84	LÔ THANH HÀ	12/03/1989	*****04	Xã Mường Quảng, Tỉnh Nghệ An	x		50418
85	HOÀNG VĂN HÀ	20/04/1990	*****55	Xã Thuần Trung, Tỉnh Nghệ An	x	A1	51254
86	PHAN THANH HẢI	07/07/1964	*****19	Xã Đức Thọ, Tỉnh Hà Tĩnh	x		51602
87	TRẦN THANH HẢI	20/07/1988	*****20	Xã Đức Minh, Tỉnh Hà Tĩnh	x	A1	51656
88	NGUYỄN NGỌC HẢI	13/09/2001	*****19	Xã Sơn Tây, Tỉnh Hà Tĩnh	x	A1m	51688
89	NGUYỄN THỊ HẢI	10/04/1993	*****40	Xã Tứ Mỹ, Tỉnh Hà Tĩnh	x	A1	51711
90	TRỊNH TRƯỜNG HẢI	06/06/1983	*****16	Phường Thái Hòa, Tỉnh Nghệ An	x		22978
91	NGUYỄN THANH HẢI	05/12/1997	*****42	Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An	x		48834
92	BÙI VĂN HẢI	06/11/1979	*****57	Xã Na Ngoi, Tỉnh Nghệ An	x		51747
93	VŨ THANH HẢI	06/09/1990	*****67	Xã Đại Đồng, Tỉnh Nghệ An	x	A1	51756
94	NGUYỄN THỊ NGỌC HÂN	22/04/1999	*****45	Phường Vinh Hưng, Tỉnh Nghệ An	x		48850
95	LÊ THỊ THÚY HẰNG	18/06/1996	*****15	Xã Nam Đàn, Tỉnh Nghệ An	x	A1	51570
96	NGUYỄN THỊ HẰNG	30/12/1995	*****36	Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An	x	A1	51603
97	NGUYỄN THỊ THU HẰNG	02/11/2005	*****87	Xã Sơn Tây, Tỉnh Hà Tĩnh	x		51628
98	NGUYỄN THÚY HẰNG	07/04/1993	*****81	Xã Lương Sơn, Tỉnh Nghệ An	x		51629
99	ĐẶNG THỊ HẰNG	05/10/1992	*****49	Xã Kim Bảng, Tỉnh Nghệ An	x		49577
100	NGUYỄN THỊ DIỆU HẰNG	07/11/1995	*****87	Xã Yên Xuân, Tỉnh Nghệ An	x	A1	50847

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
101	HOÀNG THỊ HẰNG	16/01/2004	*****51	Xã Văn Hiến, Tỉnh Nghệ An	x	A1	51492
102	BÙI XUÂN HẰNG	23/05/1978	*****70	Phường Trường Vinh, Tỉnh Nghệ An	x		51714
103	NGUYỄN CHÍNH HÀO	20/11/2007	*****25	Xã Hương Sơn, Tỉnh Hà Tĩnh	x		51657
104	NGUYỄN THỊ HẢO	10/11/1978	*****26	Xã Kim Liên, Tỉnh Nghệ An	x	A1	51256
105	ĐẶNG THỊ MAI HIỀN	13/10/1993	*****97	Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An	x	A1	51630
106	NGUYỄN THỊ HIỀN	04/02/1986	*****43	Xã Tân An, Tỉnh Nghệ An	x		51471
107	ĐỖ THỊ THU HIỀN	07/02/1993	*****41	Xã Đức Thọ, Tỉnh Hà Tĩnh	x		51604
108	BÙI THỊ HIỀN	03/04/1996	*****80	Xã Quỳnh Sơn, Tỉnh Nghệ An	x		51631
109	NGUYỄN THỊ THU HIỀN	28/10/1982	*****42	Phường Trường Vinh, Tỉnh Nghệ An	x		51632
110	NGUYỄN THỊ HIỀN	26/03/1989	*****60	Phường Vinh Lộc, Tỉnh Nghệ An	x		51658
111	NGUYỄN MINH HIỀN	15/01/2007	*****66	Phường Vinh Phú, Tỉnh Nghệ An	x	A1	50998
112	ĐẬU THỊ THU HIỀN	21/07/1984	*****42	Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An	x		51717
113	PHAN BÙI NHẬT HIỀN	23/06/1994	*****14	Xã Đức Thọ, Tỉnh Hà Tĩnh	x	A1	51718
114	CAO THỊ HIỀN	20/06/1985	*****55	Xã Tứ Mỹ, Tỉnh Hà Tĩnh	x		51395
115	ĐINH THỊ HIỀN	01/10/1995	*****82	Xã Nghĩa Hành, Tỉnh Nghệ An	x	A1	51396
116	NGUYỄN THỊ ÁNH HIỀN	02/05/1987	*****09	Phường Trường Vinh, Tỉnh Nghệ An	x		51734
117	LÊ XUÂN HIỀN	24/07/1991	*****54	Xã Đức Thịnh, Tỉnh Hà Tĩnh	x	A1	51752

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
118	NGUYỄN QUANG HIỆP	28/01/1995	*****41	Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An	x	A1	51689
119	NGUYỄN VĂN HIẾU	01/01/1989	*****55	Phường Trường Vinh, Tỉnh Nghệ An	x		42771
120	TRỊNH NGỌC HIẾU	06/10/1987	*****29	Xã Nghi Xuân, Tỉnh Hà Tĩnh	x	A1	51363
121	NGUYỄN VĂN HIẾU	09/09/2005	*****51	Xã Vạn An, Tỉnh Nghệ An	x	A1	51528
122	TRẦN VĂN HIẾU	27/02/1995	*****03	Xã Đan Hải, Tỉnh Hà Tĩnh	x		51781
123	TRẦN THỊ HOA	15/07/1992	*****83	Xã Tứ Mỹ, Tỉnh Hà Tĩnh	x		51605
124	PHAN THỊ HOA	15/02/1991	*****49	Xã Quỳnh Lưu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	51397
125	MAI THỊ HOA	10/10/1992	*****62	Xã Bích Hào, Tỉnh Nghệ An	x		46050
126	NGUYỄN THỊ HOA	10/10/1977	*****55	Xã Tiên Phong, Tỉnh Nghệ An	x		43442
127	BÙI CÔNG HÓA	20/10/1968	*****99	Xã Nghi Xuân, Tỉnh Hà Tĩnh	x		51571
128	NGUYỄN THỊ BÍCH HÒA	05/08/1967	*****72	Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An	x		51398
129	NGÔ ĐỨC HÒA	17/06/1999	*****93	Xã Lộc Hà, Tỉnh Hà Tĩnh	x		51427
130	NGUYỄN VĂN HÒA	24/02/1984	*****02	Xã Tứ Mỹ, Tỉnh Hà Tĩnh	x		51364
131	CỤT THỊ HOÀI	14/12/1983	*****88	Xã Mương Xén, Tỉnh Nghệ An	x		51727
132	NGUYỄN MẠNH HOÀNG	18/09/2004	*****88	Xã Tân Kỳ, Tỉnh Nghệ An	x		51677
133	NGUYỄN VĂN HOÀNG	19/05/2005	*****46	Xã Hợp Minh, Tỉnh Nghệ An	x	A1	51678
134	TRƯƠNG VĂN HUY HOÀNG	06/04/2007	*****14	Xã Hưng Nguyên, Tỉnh Nghệ An	x		51521

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
135	NGUYỄN VĂN HỌC	22/12/1980	*****13	Xã Hương Sơn, Tỉnh Hà Tĩnh	x		51764
136	TRẦN THỊ HỒNG	07/07/2000	*****64	Xã Chí Minh, Tỉnh Hưng Yên	x		51202
137	NGUYỄN THỊ HUỆ	20/10/1975	*****24	Phường Trường Vinh, Tỉnh Nghệ An	x	A1	51606
138	NGUYỄN THỊ HUỆ	27/07/1976	*****51	Xã Nam Đàn, Tỉnh Nghệ An	x	A1	51130
139	TRẦN THỊ HUỆ	10/04/1983	*****72	Xã Nam Đàn, Tỉnh Nghệ An	x		51399
140	HỒ THỊ HUỆ	15/04/2000	*****12	Xã Quỳnh Lưu, Tỉnh Nghệ An	x		51516
141	LÊ TRỌNG HÙNG	10/10/1975	*****57	Xã Mai Hoa, Tỉnh Hà Tĩnh	x	A1	51572
142	PHAN TRỌNG HÙNG	20/09/1992	*****37	Xã Vân Tụ, Tỉnh Nghệ An	x		51633
143	ĐẶNG THẾ HÙNG	14/10/2006	*****96	Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An	x	A1	51659
144	NGUYỄN NGỌC HÙNG	24/12/1990	*****63	Xã Nghi Xuân, Tỉnh Hà Tĩnh	x		51690
145	NGUYỄN VĂN HÙNG	29/09/1992	*****42	Xã Nghi Xuân, Tỉnh Hà Tĩnh	x	A1	51691
146	NGUYỄN CẢNH HÙNG	22/12/1984	*****38	Xã Đại Huệ, Tỉnh Nghệ An	x		51729
147	VÕ XUÂN HÙNG	28/05/2000	*****82	Phường Trường Vinh, Tỉnh Nghệ An	x	A1	50462
148	TRẦN MẠNH HÙNG	11/09/1994	*****07	Xã Quỳnh Phú, Tỉnh Nghệ An	x	A1	50967
149	TRỊNH MINH HÙNG	27/07/1995	*****41	Xã Sơn Kim 1, Tỉnh Hà Tĩnh	x		51753
150	ĐẬU QUỐC HÙNG	08/12/1992	*****97	Xã Đức Thọ, Tỉnh Hà Tĩnh	x	A1	51178
151	LÔ VĂN HÙNG	11/06/1988	*****21	Xã Thông Thụ, Tỉnh Nghệ An	x		51522

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
152	NGUYỄN QUANG HÙNG	20/03/1991	*****21	Xã Sơn Tiến, Tỉnh Hà Tĩnh	x		51257
153	PHAN THỊ HƯƠNG	29/05/1990	*****81	Xã Hưng Nguyên, Tỉnh Nghệ An	x	A1	51573
154	HỒ THỊ HƯƠNG	11/07/2001	*****89	Xã Văn Hiến, Tỉnh Nghệ An	x		51709
155	CỤT THỊ HƯƠNG	05/10/1982	*****01	Xã Mùong Xén, Tỉnh Nghệ An	x		51728
156	LÊ KIM HƯƠNG	02/06/1988	*****95	Phường Vinh Lộc, Tỉnh Nghệ An	x		51429
157	LÊ THANH HƯƠNG	10/02/1973	*****77	Phường Trường Vinh, Tỉnh Nghệ An	x	A1	47955
158	PHẠM THỊ HƯƠNG	01/11/1975	*****56	Xã Quỳnh Hợp, Tỉnh Nghệ An	x		49458
159	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	02/09/1988	*****93	Xã Quỳnh Hợp, Tỉnh Nghệ An	x		51552
160	NGUYỄN QUANG HƯỜNG	03/02/1968	*****96	Xã Bạch Hà, Tỉnh Nghệ An	x		51574
161	ĐẶNG THỊ HƯỜNG	01/03/1985	*****65	Xã Châu Tiến, Tỉnh Nghệ An	x		36893
162	NGUYỄN NHẬT HUY	15/05/2006	*****99	Phường Thành Sen, Tỉnh Hà Tĩnh	x		51519
163	LÊ QUỐC HUY	04/01/1996	*****97	Xã Vũ Quang, Tỉnh Hà Tĩnh	x	A1	51765
164	NGUYỄN THỊ THANH HUYỀN	17/06/1983	*****13	Phường Vinh Lộc, Tỉnh Nghệ An	x	A1	51576
165	NGUYỄN THỊ KHÁNH HUYỀN	03/07/1996	*****87	Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An	x	A1	51607
166	PHAN THỊ HUYỀN	08/01/1995	*****07	Xã Nghĩa Hành, Tỉnh Nghệ An	x		51484
167	ĐẶNG THANH HUYỀN	16/09/1983	*****05	Phường Trường Vinh, Tỉnh Nghệ An	x		51318
168	LÔ VĂN KHẮM	12/02/1990	*****68	Xã Bắc Lý, Tỉnh Nghệ An	x		51766

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
169	NGUYỄN MINH KHÁNH	10/09/1989	*****10	Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An	x		51660
170	BÙI QUỐC KHÁNH	14/08/2005	*****96	Xã Đức Thọ, Tỉnh Hà Tĩnh	x	A1	51735
171	TRẦN VĂN KHÁNH	18/09/1994	*****42	Xã Nghi Xuân, Tỉnh Hà Tĩnh	x		51749
172	NGUYỄN THỊ KHOA	01/10/1980	*****93	Xã Nghĩa Hành, Tỉnh Nghệ An	x		51401
173	LÊ VĂN KHOÁI	19/02/1996	*****03	Xã Kim Liên, Tỉnh Nghệ An	x		51692
174	NGUYỄN ĐÌNH KHỎI	06/01/2001	*****79	Xã Quỳnh Văn, Tỉnh Nghệ An	x	A1	51693
175	NGUYỄN VĂN KIÊN	07/08/2004	*****96	Phường Trường Vinh, Tỉnh Nghệ An	x		48553
176	NGUYỄN THỊ KIỀU	02/09/1971	*****32	Xã Đức Thọ, Tỉnh Hà Tĩnh	x	A1	51507
177	PHẠM NGỌC KIM	24/03/1987	*****47	Phường Vinh Lộc, Tỉnh Nghệ An	x	A1	51694
178	MOONG THỊ NGỌC KỶ	02/08/2002	*****01	Xã Hữu KIỆM, Tỉnh Nghệ An	x		51403
179	PHAN ĐÌNH LAM	26/03/1993	*****35	Xã Sơn Tây, Tỉnh Hà Tĩnh	x		51538
180	LƯU THỊ HỒNG LAM	11/07/1973	*****88	Xã Hương Sơn, Tỉnh Hà Tĩnh	x	A1	51767
181	ĐÌNH QUANG LÂM	05/10/1980	*****27	Xã Đại Huệ, Tỉnh Nghệ An	x	A1	51608
182	NGUYỄN TIẾN LÂM	08/01/2001	*****42	Xã Lương Sơn, Tỉnh Nghệ An	x		51455
183	NGUYỄN VIỆT LÂM	01/03/2001	*****41	Xã Sơn Giang, Tỉnh Hà Tĩnh	x		51373
184	ĐẶNG THỊ PHƯƠNG LAN	21/03/1977	*****08	Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An	x		51508
185	NGUYỄN VĂN LẬP	10/05/1975	*****43	Xã Tứ Mỹ, Tỉnh Hà Tĩnh	x		51539

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
186	PHẠM THỊ LIÊN	25/08/1988	*****06	Xã Sơn Lĩnh, Tỉnh Hà Tĩnh	x		49480
187	LANG THỊ LIÊN	09/07/1988	*****71	Xã Mường Quàng, Tỉnh Nghệ An	x	A1	50428
188	NGUYỄN THỊ MỸ LINH	07/10/1997	*****88	Xã Sơn Tây, Tỉnh Hà Tĩnh	x		51634
189	LANG THỊ PHƯƠNG LINH	18/08/2005	*****71	Xã Môn Sơn, Tỉnh Nghệ An	x		49463
190	NGUYỄN QUANG LINH	01/07/1976	*****52	Xã Đức Minh, Tỉnh Hà Tĩnh	x	A1	51750
191	LÊ VĂN LINH	15/10/1988	*****01	Xã Vạn An, Tỉnh Nghệ An	x		51540
192	TRẦN NGỌC LĨNH	24/08/1993	*****59	Xã Sơn Giang, Tỉnh Hà Tĩnh	x		51291
193	NGUYỄN THỊ LOAN	12/02/1985	*****88	Phường Ái Quốc, Thành Phố Hải Phòng	x		44563
194	NGUYỄN ĐÌNH LỘC	16/10/1999	*****87	Xã Hạnh Lâm, Tỉnh Nghệ An	x		51360
195	NGÔ THỊ LONG	22/05/1991	*****22	Phường Thái Hòa, Tỉnh Nghệ An	x		50576
196	HÀ VĂN LỰC	28/08/1997	*****09	Xã Tân Kỳ, Tỉnh Nghệ An	x	A1	51181
197	PHẠM THỊ LUYẾN	08/08/1991	*****92	Xã Sơn Hồng, Tỉnh Hà Tĩnh	x		51609
198	NGUYỄN THỊ KIM LUYẾN	16/08/1992	*****45	Xã Thiên Nhân, Tỉnh Nghệ An	x		51406
199	BÙI THỊ LUYẾN	13/04/1991	*****92	Xã Sơn Kim 2, Tỉnh Hà Tĩnh	x		51473
200	TRẦN THỊ DUY LY	20/08/1989	*****83	Xã Hưng Nguyên, Tỉnh Nghệ An	x	A1	51577
201	NGUYỄN KHÁNH LY	09/06/2006	*****56	Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An	x	A1	51261
202	CAO THỊ HOA LÝ	20/07/1991	*****08	Xã Đức Thọ, Tỉnh Hà Tĩnh	x		51498

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
203	TRẦN CÔNG LÝ	10/12/1972	*****67	Xã Lộc Hà, Tỉnh Hà Tĩnh	x	A1	51542
204	LÊ THỊ HỒNG MAI	01/04/1987	*****16	Xã Thuận Trung, Tỉnh Nghệ An	x		51635
205	NGUYỄN THỊ MAI	02/04/1993	*****36	Xã Sơn Hồng, Tỉnh Hà Tĩnh	x		51407
206	ĐẶNG THÁI MAI	19/10/1973	*****46	Xã Thượng Đức, Tỉnh Hà Tĩnh	x	A1	51474
207	HỒ HỮU MẠNH	22/08/2002	*****87	Xã Quỳnh Lưu, Tỉnh Nghệ An	x	A1	51636
208	NGUYỄN HỮU MẠNH	26/06/1992	*****87	Xã Nhân Hòa, Tỉnh Nghệ An	x		51768
209	PHẠM BÁ MẠNH	23/04/2001	*****52	Xã Sơn Điện, Tỉnh Thanh Hóa	x		51555
210	CỤT VĂN MÂY	21/08/1985	*****76	Xã Bắc Lý, Tỉnh Nghệ An	x	A1	51457
211	LÊ THỊ MẾN	30/10/1989	*****71	Phường Vinh Lộc, Tỉnh Nghệ An	x		51637
212	LƯU NHẬT MINH	19/09/2004	*****85	Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An	x	A1	51578
213	LÊ ĐỨC MINH	09/07/1995	*****25	Xã Sơn Tiến, Tỉnh Hà Tĩnh	x	A1	51638
214	TRẦN THỊ HỒNG MINH	19/09/1993	*****49	Xã Sơn Hồng, Tỉnh Hà Tĩnh	x	A1	51662
215	PHẠM ANH MINH	01/08/2007	*****08	Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An	x		51493
216	HOÀNG QUỐC MINH	21/05/1984	*****93	Xã Đức Thọ, Tỉnh Hà Tĩnh	x	A1	51408
217	BÙI VĂN MINH	05/06/1992	*****64	Xã Bích Hào, Tỉnh Nghệ An	x		51458
218	TRẦN HỮU MÙI	25/03/1979	*****33	Xã Đô Lương, Tỉnh Nghệ An	x		51308
219	LÊ THỊ HUYỀN MY	13/06/2001	*****71	Xã Đức Thọ, Tỉnh Hà Tĩnh	x		51579

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
220	LÊ THỊ QUỲNH NA	02/09/2004	*****80	Xã Hạnh Lâm, Tỉnh Nghệ An	x		51736
221	NGUYỄN VĂN NAM	06/08/1996	*****19	Xã Đại Đồng, Tỉnh Nghệ An	x	A1	51695
222	TRẦN SƠN NAM	21/10/1980	*****78	Xã Kỳ Văn, Tỉnh Hà Tĩnh	x		51754
223	LIU VĂN NĂNG	28/11/1993	*****72	Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An	x		51696
224	HOÀNG THỊ NGA	27/04/1985	*****05	Phường Trường Vinh, Tỉnh Nghệ An	x	A1	51580
225	PHẠM THỊ NGA	18/07/1997	*****38	Phường Trường Vinh, Tỉnh Nghệ An	x		51581
226	TRẦN QUỲNH NGA	24/10/2002	*****27	Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An	x	A1	51582
227	CAO THỊ NGA	10/08/1976	*****42	Xã Vĩnh Tường, Tỉnh Nghệ An	x	A1	51610
228	NGUYỄN THỊ QUỲNH NGA	05/12/1981	*****30	Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An	x	A1	51611
229	TRẦN THỊ NGA	15/06/1982	*****88	Xã Tứ Mỹ, Tỉnh Hà Tĩnh	x		51612
230	VÕ NGỌC GIANG NGA	16/06/2004	*****10	Phường Vinh Phú, Tỉnh Nghệ An	x	A1	51613
231	NGUYỄN THỊ NGA	24/12/1983	*****77	Xã Đức Minh, Tỉnh Hà Tĩnh	x		51499
232	NGUYỄN THỊ NGA	26/11/1978	*****14	Phường Vinh Hưng, Tỉnh Nghệ An	x		51715
233	NGUYỄN THỊ NGA	10/03/1978	*****27	Xã Tiến Điền, Tỉnh Hà Tĩnh	x		51431
234	THÁI HOÀNG HỒNG NGA	19/10/1998	*****04	Xã Quỳnh Châu, Tỉnh Nghệ An	x		51737
235	NGUYỄN HIẾU NGÂN	01/12/2005	*****65	Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An	x	A1	50041
236	LÊ THỊ NGÂN	18/06/1987	*****86	Phường Cửa Lò, Tỉnh Nghệ An	x		51703

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
237	NGUYỄN THỊ NGÂN	04/12/1985	*****30	Xã Đức Thọ, Tỉnh Hà Tĩnh	x	A1	51487
238	NGUYỄN CẢNH NGÂN	10/10/1975	*****15	Xã Thành Bình Thọ, Tỉnh Nghệ An	x		51475
239	BÙI THANH NGHĨA	20/05/1986	*****80	Phường Thái Hòa, Tỉnh Nghệ An	x		45471
240	NGUYỄN THỊ BÍCH NGỌC	07/01/1976	*****21	Phường Trường Vinh, Tỉnh Nghệ An	x		51614
241	NGUYỄN XUÂN BẢO NGUYỄN	23/08/2007	*****20	Xã Đại Đồng, Tỉnh Nghệ An	x		51544
242	NGUYỄN THỊ THANH NHÀN	20/09/1974	*****84	Xã Đức Thọ, Tỉnh Hà Tĩnh	x		51433
243	TRẦN QUANG NHÂN	27/06/1968	*****72	Xã Nghi Xuân, Tỉnh Hà Tĩnh	x		51583
244	TRẦN ĐÌNH NHÂN	09/07/1989	*****80	Xã Thượng Đức, Tỉnh Hà Tĩnh	x		50800
245	NGUYỄN TRỌNG NHÂN	04/05/1995	*****38	Xã Lương Sơn, Tỉnh Nghệ An	x	A1	51460
246	TRẦN ĐÌNH NHẤT	28/09/1993	*****49	Xã Đức Minh, Tỉnh Hà Tĩnh	x	A1	51530
247	NGUYỄN ĐÌNH NHẬT	20/06/1993	*****89	Xã Đức Thọ, Tỉnh Hà Tĩnh	x		51663
248	LÊ VĂN LONG NHẬT	23/02/2003	*****52	Xã Sơn Giang, Tỉnh Hà Tĩnh	x	A1	51697
249	PHAN THỊ NHI	27/07/1998	*****01	Xã Yên Thành, Tỉnh Nghệ An	x	A1	51494
250	TỔNG HẠ NHI	01/06/2003	*****71	Xã Văn Du, Tỉnh Thanh Hóa	x		51495
251	NGUYỄN NGỌC THỦY NHI	26/02/2007	*****36	Phường Trường Vinh, Tỉnh Nghệ An	x		51434
252	HÁN THỊ NHO	24/06/1987	*****74	Xã Đức Thọ, Tỉnh Hà Tĩnh	x		51509
253	NGUYỄN THỊ HỒNG NHUNG	06/04/2002	*****77	Xã Sơn Hồng, Tỉnh Hà Tĩnh	x		51615

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
254	NGUYỄN THỊ NHUNG	17/03/1974	*****76	Xã Mậu Thạch, Tỉnh Nghệ An	x		50905
255	NGUYỄN THỊ NHUNG	02/04/1990	*****79	Xã Nghĩa Hành, Tỉnh Nghệ An	x		51411
256	TRẦN THỊ NHƯỜNG	20/10/1987	*****62	Phường Cửa Lò, Tỉnh Nghệ An	x		51584
257	CỤT VĂN NIÊM	14/02/1984	*****78	Xã Bắc Lý, Tỉnh Nghệ An	x	A1	51769
258	NGUYỄN THỊ TÚ OANH	20/09/1986	*****81	Xã Tứ Mỹ, Tỉnh Hà Tĩnh	x		51616
259	HOÀNG THỊ OANH	15/03/1970	*****59	Phường Vinh Hưng, Tỉnh Nghệ An	x	A1	51639
260	NGUYỄN THỊ THU OANH	09/08/2002	*****33	Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An	x		51720
261	BÙI BẢO ƠN	10/09/1997	*****54	Xã Đức Thọ, Tỉnh Hà Tĩnh	x		51664
262	LÊ XUÂN PHONG	20/08/1959	*****66	Xã Tứ Mỹ, Tỉnh Hà Tĩnh	x		51321
263	NGUYỄN NGÔ PHONG	05/10/2001	*****47	Xã Vinh Tường, Tỉnh Nghệ An	x	A1	51738
264	LÊ VĂN PHÚ	10/04/2001	*****56	Xã Hùng Chân, Tỉnh Nghệ An	x		51376
265	CÙ HUY PHÚ	05/09/1983	*****95	Xã Mai Hoa, Tỉnh Hà Tĩnh	x	A1	51771
266	TRẦN VĂN PHƯỚC	12/10/1968	*****35	Xã Hưng Nguyên, Tỉnh Nghệ An	x		51640
267	ĐẶNG THỊ PHƯƠNG	04/12/1993	*****40	Phường Vinh Hưng, Tỉnh Nghệ An	x		51641
268	ĐINH HỮU PHƯƠNG	30/05/1975	*****94	Xã Yên Trung, Tỉnh Nghệ An	x		51440
269	NGUYỄN VĂN PHƯƠNG	20/04/1986	*****06	Xã Đại Đồng, Tỉnh Nghệ An	x		51545
270	CHU THỊ BÍCH PHƯƠNG	02/11/1996	*****83	Xã Quỳnh Sơn, Tỉnh Nghệ An	x	A1	51642

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
271	TRƯƠNG HOÀNG QUÂN	08/01/1998	*****80	Xã Hưng Nguyên, Tỉnh Nghệ An	x		51617
272	LÊ NGUYỄN MINH QUÂN	12/05/2006	*****39	Phường Trường Vinh, Tỉnh Nghệ An	x		51739
273	BÙI VĂN QUÂN	01/10/2002	*****20	Xã Nghi Xuân, Tỉnh Hà Tĩnh	x		51772
274	CỤT VĂN QUANG	07/02/1987	*****65	Xã Nậm Cấn, Tỉnh Nghệ An	x	A1	51698
275	NGUYỄN THỊ QUẾ	09/10/1990	*****41	Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An	x		51643
276	MAI BẢO QUỐC	03/06/2002	*****64	Xã Đức Thọ, Tỉnh Hà Tĩnh	x	A1	51665
277	LÊ VĂN QUÝ	06/10/1983	*****76	Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An	x	A1	51461
278	NGUYỄN VĂN QUÝ	23/10/1995	*****34	Phường Bắc Hồng Lĩnh, Tỉnh Hà Tĩnh	x	A1	51782
279	NGUYỄN THỊ THU QUYÊN	03/08/1981	*****30	Xã Hương Sơn, Tỉnh Hà Tĩnh	x		51618
280	TỔNG TRẦN BẢO QUYÊN	25/07/2001	*****20	Phường Thái Hòa, Tỉnh Nghệ An	x		45323
281	NGUYỄN THỊ NHƯ QUỲNH	04/05/2005	*****75	Phường Cửa Lò, Tỉnh Nghệ An	x		50533
282	LÊ THỊ QUỲNH	20/01/1996	*****69	Phường Trường Vinh, Tỉnh Nghệ An	x	A1	51740
283	LÊ THỊ NHƯ QUỲNH	06/10/1996	*****96	Xã Hương Sơn, Tỉnh Hà Tĩnh	x	A1	51741
284	VÕ ĐỨC QUỲNH	19/07/2002	*****23	Xã Kim Hoa, Tỉnh Hà Tĩnh	x	A1	51757
285	NGUYỄN HOÀNG SA	16/03/1984	*****38	Phường Cửa Lò, Tỉnh Nghệ An	x	A1	51666
286	LÊ TRUNG SÂM	11/12/1989	*****76	Xã Thiên Nhãn, Tỉnh Nghệ An	x	A1	51699
287	NGUYỄN THỊ SÂM	30/11/1992	*****26	Xã Sơn Hồng, Tỉnh Hà Tĩnh	x	A1	51168

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
288	ĐẬU THỊ KIM SEN	20/08/1986	*****66	Xã Nghi Xuân, Tỉnh Hà Tĩnh	x		51585
289	NGUYỄN THỊ SEN	19/10/2001	*****64	Xã Văn Hiến, Tỉnh Nghệ An	x	A1	51730
290	NGUYỄN THỊ SƠN	08/11/1989	*****97	Xã Sơn Kim 1, Tỉnh Hà Tĩnh	x		51586
291	TRẦN VĂN SƠN	17/12/1982	*****18	Xã Kim Liên, Tỉnh Nghệ An	x		47004
292	HỒ TRƯỜNG SƠN	15/11/1970	*****11	Xã Lương Sơn, Tỉnh Nghệ An	x		51721
293	VÕ THANH SƠN	20/12/1984	*****44	Xã Đức Thọ, Tỉnh Hà Tĩnh	x	A1	51477
294	MẠC THỊ SỬU	18/08/1985	*****94	Xã Tương Dương, Tỉnh Nghệ An	x		51412
295	NGUYỄN THỊ SỬU	13/12/1985	*****95	Xã Hưng Nguyên Nam, Tỉnh Nghệ An	x		51443
296	TRẦN VĂN SỬU	23/02/1985	*****09	Xã Con Cuông, Tỉnh Nghệ An	x		51462
297	HOÀNG VĂN TÀI	22/10/1998	*****65	Xã Văn Hiến, Tỉnh Nghệ An	x	Am	51667
298	ĐẶNG XUÂN TÀI	07/06/2005	*****68	Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An	x		51758
299	ĐINH THỊ BĂNG TÂM	17/09/1994	*****47	Xã Sơn Tiến, Tỉnh Hà Tĩnh	x	A1	51619
300	TRẦN TÂM	03/03/1963	*****03	Xã Đức Minh, Tỉnh Hà Tĩnh	x	A1	51620
301	LÊ THANH TÂM	23/05/2003	*****98	Phường Vinh Hưng, Tỉnh Nghệ An	x	A1	51644
302	NGUYỄN THỊ TÂM	16/09/1985	*****29	Xã Đức Thọ, Tỉnh Hà Tĩnh	x		51489
303	NGUYỄN THỊ TÂM	05/06/1991	*****34	Xã Phúc Lộc, Tỉnh Nghệ An	x		51500
304	PHẠM THỊ TÂM	11/09/1988	*****47	Xã Hương Xuân, Tỉnh Hà Tĩnh	x	A1	51788

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
305	CAO THỊ TÂN	20/10/1990	*****46	Xã Tân Kỳ, Tỉnh Nghệ An	x		51413
306	NGUYỄN SỸ TÂN	08/09/1991	*****49	Phường Tây Hiếu, Tỉnh Nghệ An	x		51022
307	PHẠM HỒNG THÁI	09/04/2000	*****34	Xã Phú Vinh, Thành phố Huế	x	A1	51668
308	NGUYỄN THỊ THÁI	28/04/1991	*****81	Xã Sơn Hồng, Tỉnh Hà Tĩnh	x		51773
309	LÊ VĂN THẮNG	28/05/1997	*****84	Xã Nghi Xuân, Tỉnh Hà Tĩnh	x	A1	51517
310	CÙ HUY THẮNG	16/07/1990	*****81	Xã Đức Thọ, Tỉnh Hà Tĩnh	x	A1	51523
311	NGUYỄN CÔNG THẮNG	03/10/2004	*****84	Phường Vinh Lộc, Tỉnh Nghệ An	x	A1	51463
312	TRẦN THỊ THANH	11/06/1990	*****85	Xã Con Cuông, Tỉnh Nghệ An	x		51712
313	TRẦN BẢO THANH	18/01/1994	*****62	Xã Đức Thọ, Tỉnh Hà Tĩnh	x		51722
314	CHU ĐỨC THANH	29/05/1991	*****19	Phường Trường Vinh, Tỉnh Nghệ An	x		51532
315	LUU NGỌC THÀNH	16/12/2001	*****68	Xã Nam Đàn, Tỉnh Nghệ An	x		51705
316	HÀ TRUNG THÀNH	06/10/2007	*****02	Phường Trường Vinh, Tỉnh Nghệ An	x		51746
317	NGUYỄN VĂN THÀNH	26/10/1998	*****51	Xã Vũ Quang, Tỉnh Hà Tĩnh	x	A1	50931
318	PHẠM QUỐC THÀNH	12/09/1990	*****92	Xã Đại Đồng, Tỉnh Nghệ An	x		51557
319	LÊ THỊ PHƯƠNG THẢO	12/07/1992	*****57	Phường Vinh Phú, Tỉnh Nghệ An	x		51587
320	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO	08/03/1998	*****30	Phường Cửa Lò, Tỉnh Nghệ An	x		51588
321	LÊ THỊ HƯƠNG THẢO	14/03/2000	*****80	Phường Trường Vinh, Tỉnh Nghệ An	x	A1	51621

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
322	VI THỊ LINH THẢO	22/05/1999	*****04	Xã Quỳnh Hợp, Tỉnh Nghệ An	x	A1	51646
323	ĐINH THỊ PHƯƠNG THẢO	14/05/1996	*****33	Phường Vinh Hưng, Tỉnh Nghệ An	x		51708
324	TRẦN PHƯƠNG THẢO	24/02/2003	*****96	Phường Cửa Lò, Tỉnh Nghệ An	x	A1	51716
325	LƯƠNG VĂN THẮY	09/08/1985	*****63	Xã Bắc Lý, Tỉnh Nghệ An	x		51774
326	HÀ XUÂN THẾ	05/10/1988	*****85	Xã Quỳnh Lưu, Tỉnh Nghệ An	x		51775
327	HOÀNG VĂN THIỆN	11/01/1990	*****94	Phường Cửa Lò, Tỉnh Nghệ An	x		51669
328	NGUYỄN VĂN THIỆN	21/10/1968	*****91	Xã Đức Thọ, Tỉnh Hà Tĩnh	x		51784
329	VI THỊ ÁNH THƠ	16/07/2004	*****84	Xã Mường Chọng, Tỉnh Nghệ An	x	A1	51731
330	PHAN VĂN THOẠI	24/12/1991	*****35	Xã Sơn Tiến, Tỉnh Hà Tĩnh	x		51679
331	ĐẶNG ĐÌNH THÔNG	03/09/1964	*****21	Xã Hưng Nguyên Nam, Tỉnh Nghệ An	x		51783
332	LÊ THỊ LỆ THU	02/03/1982	*****41	Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An	x		51496
333	TRẦN THỊ THƯ	02/06/1999	*****38	Xã Vũ Quang, Tỉnh Hà Tĩnh	x	A1	51622
334	HOÀNG THỊ MINH THƯ	20/09/1980	*****04	Phường Thái Hòa, Tỉnh Nghệ An	x		45650
335	NGUYỄN QUỐC THUẬN	05/09/1983	*****80	Xã Hoa Quân, Tỉnh Nghệ An	x		51670
336	NGUYỄN THỊ THUẬN	17/01/1995	*****61	Xã Sơn Tiến, Tỉnh Hà Tĩnh	x	A1	51647
337	NGUYỄN HỮU THỨC	10/08/1967	*****64	Xã Nghĩa Hành, Tỉnh Nghệ An	x		51623
338	NGUYỄN THỊ THƯƠNG	04/04/2001	*****10	Xã Trung Lộc, Tỉnh Nghệ An	x	A1m	51589

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
339	NGUYỄN VIỆT THƯƠNG	01/01/1995	*****78	Xã Đức Thọ, Tỉnh Hà Tĩnh	x	A1	51671
340	TRẦN THỊ HOÀI THƯƠNG	12/11/1983	*****51	Xã Nghi Xuân, Tỉnh Hà Tĩnh	x		51415
341	VƯƠNG THỊ THUÝ	27/05/1996	*****54	Phường Trường Vinh, Tỉnh Nghệ An	x		48702
342	NGUYỄN THỊ THUÝ	06/11/1999	*****72	Xã Sơn Giang, Tỉnh Hà Tĩnh	x	A1	47535
343	NGUYỄN THỊ BÍCH THUÝ	12/12/1980	*****82	Xã Tứ Mỹ, Tỉnh Hà Tĩnh	x		49641
344	TRỊNH THỊ THU THÙY	04/11/1990	*****97	Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An	x		51480
345	NGUYỄN THỊ THỦY	08/08/1981	*****28	Xã Đức Thịnh, Tỉnh Hà Tĩnh	x		51444
346	VÕ THỊ THỦY	03/09/1985	*****24	Xã Sơn Giang, Tỉnh Hà Tĩnh	x		51546
347	HOÀNG ĐÌNH TIẾN	01/01/2002	*****85	Xã Hợp Minh, Tỉnh Nghệ An	x	A1	51520
348	CAO SỸ TIẾN	20/09/2004	*****12	Xã Nghi Xuân, Tỉnh Hà Tĩnh	x		51378
349	TRẦN QUỐC TIẾN	15/10/1995	*****31	Xã Đức Minh, Tỉnh Hà Tĩnh	x		51755
350	NGUYỄN QUỐC TIỆP	26/08/2004	*****01	Xã Sơn Giang, Tỉnh Hà Tĩnh	x	A1	51700
351	ĐOÀN NGỌC TÍN	20/08/1991	*****59	Xã Kim Hoa, Tỉnh Hà Tĩnh	x		51624
352	BÙI VĂN TÌNH	29/08/1979	*****75	Xã Tân An, Tỉnh Nghệ An	x		51786
353	ĐẶNG NGỌC TOÀN	15/07/1998	*****57	Phường Vinh Hưng, Tỉnh Nghệ An	x	A1	50926
354	HOÀNG ANH TOÀN	03/07/1991	*****24	Xã Bạch Ngọc, Tỉnh Nghệ An	x		51776
355	VŨ BÁ TỔNG	08/09/1991	*****90	Xã Huồi Tụ, Tỉnh Nghệ An	x	A1	51777

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
356	TRẦN BẢO TRÂM	17/08/2003	*****73	Xã Nghĩa Đàn, Tỉnh Nghệ An	x	A1	50989
357	ĐẶNG THÙY TRANG	12/08/2000	*****85	Xã Sơn Tây, Tỉnh Hà Tĩnh	x	A1	51590
358	HOÀNG THỊ TRANG	22/07/1981	*****43	Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An	x		51648
359	NGUYỄN THỦY TRANG	04/02/1992	*****54	Xã Đức Quang, Tỉnh Hà Tĩnh	x		51707
360	NGUYỄN THỊ HUYỀN TRANG	11/03/2003	*****58	Xã Con Cuông, Tỉnh Nghệ An	x		49860
361	TRẦN MINH TRÍ	30/11/2006	*****66	Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An	x		49835
362	NGUYỄN VĂN TRÍ	01/03/1992	*****89	Xã Tứ Mỹ, Tỉnh Hà Tĩnh	x		51759
363	TRẦN BÌNH TRỌNG	24/10/1992	*****08	Xã Sơn Tiến, Tỉnh Hà Tĩnh	x	A1	51672
364	TẠ MINH TRỌNG	27/07/2001	*****08	Xã Lương Sơn, Tỉnh Nghệ An	x		51558
365	NGUYỄN CẢNH TRUNG	06/08/1974	*****85	Xã Lương Sơn, Tỉnh Nghệ An	x		51649
366	ĐINH CÔNG TRUNG	12/02/2005	*****07	Xã Sơn Giang, Tỉnh Hà Tĩnh	x		51745
367	ĐOÀN MẠNH TRUNG	06/08/2007	*****16	Xã Hương Sơn, Tỉnh Hà Tĩnh	x		50928
368	LÊ HẢI THÀNH TRUNG	02/11/2007	*****30	Phường Trường Vinh, Tỉnh Nghệ An	x	A1	51380
369	PHAN THỂ TRUNG	22/10/2007	*****78	Xã Kim Liên, Tỉnh Nghệ An	x		51547
370	PHAN QUANG TRUNG	02/08/1981	*****26	Xã Đức Thọ, Tỉnh Hà Tĩnh	x	A1	51785
371	NGUYỄN DOÃN TRUNG	16/08/1982	*****20	Phường Cửa Lò, Tỉnh Nghệ An	x		51312
372	LANG VĂN TRƯỜNG	23/11/1986	*****50	Xã Mậu Thạch, Tỉnh Nghệ An	x	A1	51701

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
373	TRẦN VĂN TRƯỜNG	02/01/1967	*****04	Xã Hưng Nguyên Nam, Tỉnh Nghệ An	x		50982
374	MAI VĂN TRƯỜNG	16/01/1980	*****00	Xã Vạn An, Tỉnh Nghệ An	x		51271
375	NGUYỄN VĂN TRƯỜNG	20/11/1978	*****92	Xã Thành Bình Thọ, Tỉnh Nghệ An	x		51481
376	PHẠM CẨM TÚ	21/07/2001	*****94	Phường Vinh Hưng, Tỉnh Nghệ An	x		51591
377	NGUYỄN CẢNH TÚ	10/06/1995	*****37	Xã Bích Hào, Tỉnh Nghệ An	x	A1	51702
378	HỒ TRUNG TUẤN	04/05/1993	*****42	Xã Con Cuông, Tỉnh Nghệ An	x	A1	44213
379	TRẦN QUỐC TUẤN	11/08/1998	*****04	Xã Kim Hoa, Tỉnh Hà Tĩnh	x	A1	51760
380	TRẦN ĐÌNH TUẤN	19/03/1984	*****77	Xã Đại Đồng, Tỉnh Nghệ An	x		51559
381	NGUYỄN MẠNH TÚC	15/12/1994	*****62	Xã Kim Liên, Tỉnh Nghệ An	x	A1	51592
382	NGUYỄN THỊ HỒNG TƯƠI	01/06/2000	*****76	Xã Sơn Tây, Tỉnh Hà Tĩnh	x	A1	51512
383	BÙI VĂN TUYẾN	02/02/1992	*****43	Xã Bồ Trạch, Tỉnh Quảng Trị	x		51778
384	TRƯƠNG THỊ TUYẾT	18/03/1985	*****40	Xã Lương Sơn, Tỉnh Nghệ An	x		51650
385	NGÔ THỊ TUYẾT	14/04/1986	*****19	Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An	x	A1	51732
386	LƯU XUÂN TÝ	26/05/1984	*****98	Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An	x		50825
387	HÀ THỊ THU UYÊN	09/08/2002	*****88	Xã Kim Liên, Tỉnh Nghệ An	x		51593
388	NGUYỄN THỊ THU UYÊN	20/02/1996	*****68	Xã Sơn Tây, Tỉnh Hà Tĩnh	x	A1	51446
389	PHẠM THỊ VÂN	10/08/1984	*****19	Xã Quỳnh Lưu, Tỉnh Nghệ An	x	A.03	51673

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
390	NGUYỄN THỊ VÂN	28/01/1992	*****43	Xã Nam Đàn, Tỉnh Nghệ An	x	A1	51733
391	TRẦN ANH VĂN	18/02/1996	*****37	Xã Kim Bảng, Tỉnh Nghệ An	x		51525
392	NGUYỄN HẢI VIỆT	27/06/1993	*****59	Xã Vạn An, Tỉnh Nghệ An	x	A1	51594
393	NGUYỄN TIẾN THÀNH VINH	22/12/1997	*****18	Xã Đại Đồng, Tỉnh Nghệ An	x		51549
394	HỒ VĂN VINH	17/03/1986	*****42	Xã Hưng Nguyên , Tỉnh Nghệ An	x		51779
395	NGUYỄN NHẬT VY	08/02/2007	*****57	Phường Vinh Phú, Tỉnh Nghệ An	x		51651
396	TRẦN THỊ XUÂN	20/03/1985	*****58	Xã Lương Sơn, Tỉnh Nghệ An	x		51652
397	MOONG VĂN XUÂN	08/10/1990	*****21	Xã Bắc Lý, Tỉnh Nghệ An	x	A1	51780
398	NGUYỄN DOÃN YÊN	18/10/2000	*****78	Xã Đức Quang, Tỉnh Hà Tĩnh	x	A1	51674
399	ĐẶNG THỊ YẾN	16/12/1982	*****46	Phường Trường Vinh, Tỉnh Nghệ An	x		51595
400	TRẦN THỊ YẾN	20/06/1992	*****83	Phường Vinh Lộc, Tỉnh Nghệ An	x	A1	51596
401	TRẦN THỊ HẢI YẾN	22/06/2004	*****29	Xã Trường Lưu, Tỉnh Hà Tĩnh	x	A1	51710

**DANH SÁCH THÍ SINH CÓ GIẤY PHÉP LÁI XE QUÁ THỜI HẠN SỬ DỤNG
DỰ SÁT HẠCH ĐỀ CẤP GIẤY PHÉP LÁI XE**

(Kèm theo Quyết định số: 3367/QĐ-CAT-PC08 ngày 17 tháng 6 năm 2026 của Công an tỉnh Nghệ An)

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh hoặc hộ chiếu	Nơi cư trú	Hạng GPLX	Số GPLX	Cơ quan quản lý GPLX	Ngày hết hạn GPLX	Lý do SH	Nội dung sát hạch
1	PHẠM THỊ VÂN ANH	24/04/1995	*****55	Phường Trường Vinh, Tỉnh Nghệ An	B	401134022722	Nghệ An	26/10/2025	Quá hạn	L
2	NGUYỄN THỊ TÚ ANH	02/09/1990	*****17	Xã Hưng Nguyên, Tỉnh Nghệ An	B	011165004606	Hà Nội	27/01/2026	Quá hạn	L
3	NGUYỄN TUẤN ANH	30/04/1982	*****48	Xã Minh Châu, Tỉnh Nghệ An	B	400128011612	Nghệ An	28/01/2026	Quá hạn	L
4	NGUYỄN KHÁNH QUỐC ANH	12/11/1994	*****34	Phường Trường Vinh, Tỉnh Nghệ An	B	400144003840	Nghệ An	22/01/2024	Quá hạn	L+H+Đ
5	HÀ TUẤN ANH	12/08/1977	*****22	Phường Trường Vinh, Tỉnh Nghệ An	B	010108045214	Hà Nội	05/08/2025	Quá hạn	L
6	HOÀNG NGỌC ANH	20/10/1975	*****76	Xã Bạch Ngọc, Tỉnh Nghệ An	B	400108006322	Nghệ An	04/08/2024	Quá hạn	L+H+Đ
7	NGUYỄN TUẤN ANH	27/01/1994	*****27	Xã Đan Hải, Tỉnh Hà Tĩnh	C1	400154043683	Nghệ An	14/12/2025	Quá hạn	L
8	ĐẶNG THỊ VÂN ANH	26/02/1984	*****60	Phường Cửa Lò, Tỉnh Nghệ An	C1	401164002640	Nghệ An	30/01/2026	Quá hạn	L
9	CAO TUẤN ANH	05/08/1993	*****11	Phường Vinh Phú, Tỉnh Nghệ An	C1	400167012111	Nghệ An	28/04/2026	Quá hạn	L
10	NGUYỄN TIẾN ANH	23/09/1982	*****07	Phường Vinh Phú, Tỉnh Nghệ An	C1	400163002929	Nghệ An	24/01/2026	Quá hạn	L
11	NGUYỄN DUY ÂU	28/10/1974	*****05	Xã Hạnh Lâm, Tỉnh Nghệ An	C1	400128011090	Nghệ An	05/01/2026	Quá hạn	L
12	PHẠM NGỌC BẢO	22/03/1993	*****45	Phường Vinh Phú, Tỉnh Nghệ An	B	400163012883	Nghệ An	09/05/2026	Quá hạn	L
13	NGUYỄN QUỐC BẢO	01/09/1986	*****98	Xã Đông Lộc, Tỉnh Nghệ An	C1	400129006349	Nghệ An	16/03/2026	Quá hạn	L
14	LƯU ĐỨC BẢO	18/09/1986	*****98	Xã Hưng Nguyên, Tỉnh Nghệ An	C1	400196029227	Nghệ An	27/11/2024	Quá hạn	Đ
15	NGUYỄN VIỆT BẢY	15/02/1964	*****64	Xã Đô Lương, Tỉnh Nghệ An	B	400113015597	Nghệ An	22/04/2026	Quá hạn	L
16	NGUYỄN ĐÌNH BÌNH	07/07/1987	*****07	Xã Bạch Hà, Tỉnh Nghệ An	B	420165005052	Hà Tĩnh	03/08/2021	Quá hạn	Đ
17	TRẦN THANH BÌNH	01/11/1986	*****76	Phường Trường Vinh, Tỉnh Nghệ An	B	400148033850	Nghệ An	12/09/2019	Quá hạn	H+Đ

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh hoặc hộ chiếu	Nơi cư trú	Hạng GPLX	Số GPLX	Cơ quan quản lý GPLX	Ngày hết hạn GPLX	Lý do SH	Nội dung sát hạch
18	ĐẬU HUY BÓN	20/02/1993	*****13	Xã An Châu, Tỉnh Nghệ An	B	400146018071	Nghệ An	04/06/2024	Quá hạn	Đ
19	VŨ ĐÌNH CẢNH	15/10/1975	*****96	Xã Quang Đồng, Tỉnh Nghệ An	C1	400120010886	Nghệ An	25/12/2025	Quá hạn	L
20	NGUYỄN ĐÌNH CHÂU	23/09/1975	*****62	Xã Đông Lộc, Tỉnh Nghệ An	B	AV336596	Nghệ An	06/07/2022	Quá hạn	H
21	NGUYỄN MINH CHÂU	11/10/1992	*****12	Phường Vinh Lộc, Tỉnh Nghệ An	C1	400153014134	Nghệ An	12/06/2025	Quá hạn	L
22	TRẦN NGỌC CHÍN	20/07/1979	*****49	Xã Văn Hiến, Tỉnh Nghệ An	B01	400165004406	Nghệ An	01/01/2026	Quá hạn	L
23	NGUYỄN DUY CHINH	10/02/1989	*****03	Xã Hợp Minh, Tỉnh Nghệ An	B01	400136051192	Nghệ An	01/01/2023	Quá hạn	L+H+Đ
24	TRẦN NGUYỄN CHUNG	01/07/1990	*****31	Phường Vinh Phú, Tỉnh Nghệ An	C1	400128008715	Nghệ An	14/08/2025	Quá hạn	L
25	TẶNG VĂN CHUYỀN	01/07/1981	*****86	Xã Minh Châu, Tỉnh Nghệ An	C1	400167015316	Nghệ An	06/05/2026	Quá hạn	L
26	ĐOÀN MẠNH CÔNG	10/09/1985	*****27	Phường Trường Vinh, Tỉnh Nghệ An	B	400111015207	Nghệ An	06/04/2026	Quá hạn	L
27	PHAN VĂN CÔNG	15/12/1989	*****61	Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An	C1	400129011929	Nghệ An	14/03/2026	Quá hạn	L
28	TRẦN THỊ CƯƠNG	15/03/1970	*****61	Xã Hợp Minh, Tỉnh Nghệ An	B	401121004298	Nghệ An	07/05/2026	Quá hạn	L
29	PHAN MẠNH CƯỜNG	15/03/1972	*****30	Xã Hưng Nguyên, Tỉnh Nghệ An	C1	400117013359	Nghệ An	30/12/2025	Quá hạn	L
30	NGUYỄN KHẮC CƯỜNG	01/05/1990	*****01	Phường Trường Vinh, Tỉnh Nghệ An	C1	400083101793	Nghệ An	09/05/2026	Quá hạn	L
31	TRẦN CAO CƯỜNG	19/07/1979	*****28	Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An	C1	400105019569	Nghệ An	27/04/2026	Quá hạn	L
32	PHẠM QUANG ĐẠI	04/04/1962	*****91	Xã Nghi Lộc, Tỉnh Nghệ An	B	400101006343	Nghệ An	08/08/2024	Quá hạn	L
33	TRẦN VĂN ĐẠI	10/12/1977	*****52	Phường Cửa Lò, Tỉnh Nghệ An	C1	AK003203	Hồ Chí Minh	05/03/2014	Quá hạn	L+H+Đ
34	LÊ ĐĂNG ĐẠI	10/03/1983	*****75	Phường Quỳnh Mai, Tỉnh Nghệ An	C1	010166040428	Hà Nội	31/05/2026	Quá hạn	L
35	HỒ VĂN DANH	10/10/1962	*****88	Xã Quỳnh Phú, Tỉnh Nghệ An	B	400055002437	Hải Phòng	08/10/2025	Quá hạn	L
36	HỒ VĂN DANH	03/08/1981	*****13	Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An	C1	AT899909	Nghệ An	06/12/2021	Quá hạn	L+H+Đ

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh hoặc hộ chiếu	Nơi cư trú	Hạng GPLX	Số GPLX	Cơ quan quản lý GPLX	Ngày hết hạn GPLX	Lý do SH	Nội dung sát hạch
37	HOÀNG TRỌNG ĐẠO	05/09/1987	*****93	Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An	B	AC550785	Nghệ An	06/08/2012	Quá hạn	L+H+Đ
38	NGUYỄN XUÂN ĐẠT	08/05/1989	*****96	Xã Quỳnh Tam, Tỉnh Nghệ An	B	400125011556	Nghệ An	26/01/2026	Quá hạn	L
39	NGUYỄN MINH ĐẠT	20/10/1995	*****62	Phường Trường Vinh, Tỉnh Nghệ An	C1	400139044256	Nghệ An	31/01/2026	Quá hạn	L
40	HÀ ANH TUẤN ĐẠT	03/12/1993	*****01	Xã Đức Châu, Tỉnh Nghệ An	C1	400153010516	Nghệ An	05/01/2026	Quá hạn	L
41	PHAN CÔNG ĐOÀN	20/11/1982	*****45	Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An	C1	400166008935	Nghệ An	26/03/2026	Quá hạn	L
42	LÊ THANH ĐÔNG	22/02/1985	*****70	Xã Cổ Đạm, Tỉnh Hà Tĩnh	B	010165014174	Hà Nội	26/02/2026	Quá hạn	L
43	NGUYỄN NGUYỄN ĐÔNG	15/08/1981	*****72	Phường Vinh Phú, Tỉnh Nghệ An	C1	400132045852	Nghệ An	06/04/2026	Quá hạn	L
44	HÀ HUY ĐỨC	20/04/1980	*****16	Phường Trường Vinh, Tỉnh Nghệ An	B	400109016854	Nghệ An	03/10/2025	Quá hạn	L
45	NGUYỄN VĂN ĐỨC	11/08/1971	*****43	Xã Yên Thành, Tỉnh Nghệ An	B	400087097865	Nghệ An	13/05/2023	Quá hạn	Đ
46	VÕ TÀI ĐỨC	08/09/1997	*****49	Xã Hoa Quân, Tỉnh Nghệ An	B	400153037751	Nghệ An	31/01/2026	Quá hạn	L
47	NGUYỄN TRỌNG ĐỨC	15/09/1991	*****28	Xã Lương Sơn, Tỉnh Nghệ An	C1	010158060438	Hà Nội	24/08/2025	Quá hạn	L
48	TRẦN TIẾN DŨNG	01/06/1979	*****01	Xã Quỳnh Hợp, Tỉnh Nghệ An	B	400114015354	Nghệ An	12/04/2026	Quá hạn	L
49	LÊ VĂN DŨNG	15/09/1978	*****64	Xã Lam Thành, Tỉnh Nghệ An	B	400127009524	Nghệ An	03/10/2025	Quá hạn	L
50	ĐẶNG QUỐC DŨNG	06/07/1980	*****00	Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An	C1	400064001094	Hà Nội	01/09/2025	Quá hạn	L
51	TRẦN TRUNG DŨNG	01/07/1981	*****51	Phường Từ Liêm, TP Hà Nội	C1	010010005247	Hà Nội	11/06/2025	Quá hạn	L
52	NGUYỄN CẢNH DƯƠNG	01/02/1983	*****19	Phường Vinh Phú, Tỉnh Nghệ An	B	400016000542	Nghệ An	01/02/2021	Quá hạn	L+H+Đ
53	LÊ ĐÌNH DƯƠNG	05/12/1991	*****14	Xã Tam Đồng, Tỉnh Nghệ An	C1	400151011252	Nghệ An	01/04/2020	Quá hạn	L+H+Đ
54	LÊ VĂN DƯƠNG	20/12/1988	*****97	Xã Nghi Xuân, Tỉnh Hà Tĩnh	C1	420154009355	Hà Tĩnh	31/12/2025	Quá hạn	L
55	LÊ VĂN GIANG	12/02/1985	*****15	Phường Cửa Lò, Tỉnh Nghệ An	B	400156033992	Nghệ An	11/09/2025	Quá hạn	L

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh hoặc hộ chiếu	Nơi cư trú	Hạng GPLX	Số GPLX	Cơ quan quản lý GPLX	Ngày hết hạn GPLX	Lý do SH	Nội dung sát hạch
56	NGÔ HIỀN GIANG	20/05/1985	*****64	Xã Minh Châu, Tỉnh Nghệ An	B	400157025622	Nghệ An	27/07/2025	Quá hạn	L
57	NGUYỄN VĂN GIANG	16/01/1993	*****44	Xã Quỳnh Sơn, Tỉnh Nghệ An	C1	400163011055	Nghệ An	20/04/2026	Quá hạn	L
58	VŨ VĂN GIANG	14/10/1990	*****61	Phường Trường Vinh, Tỉnh Nghệ An	C1	400169011312	Nghệ An	22/04/2026	Quá hạn	L
59	NGUYỄN SỸ HÀ	04/01/1985	*****56	Xã Gia Lạc, Tỉnh Nghệ An	B	310150018074	Nghệ An	03/07/2025	Quá hạn	L
60	TRẦN THỊ THÚY HÀ	02/11/1973	*****21	Phường Vinh Lộc, Tỉnh Nghệ An	B01	401160008424	Nghệ An	16/05/2026	Quá hạn	L
61	NGUYỄN THANH HÀ	10/04/1970	*****18	Xã Nghi Xuân, Tỉnh Hà Tĩnh	B	400165008646	Nghệ An	23/03/2026	Quá hạn	L
62	HOÀNG THỊ NGÂN HÀ	20/08/1982	*****52	Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An	B	401164001146	Nghệ An	18/01/2026	Quá hạn	L
63	NGUYỄN HOÀNG HÀ	12/06/1974	*****99	Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An	C1	400086000644	Nghệ An	18/12/2025	Quá hạn	L
64	PHÙNG KHẮC HÀ	24/11/1975	*****35	Xã Đức Quang, Tỉnh Hà Tĩnh	C1	AM671443	Hà Tĩnh	12/01/2015	Quá hạn	L
65	NGUYỄN VĂN HẢI	06/12/1968	*****86	Xã Hưng Nguyên, Tỉnh Nghệ An	B	400160000810	Nghệ An	13/01/2026	Quá hạn	L
66	HỒ VĂN HẢI	15/01/1983	*****95	Xã Tam Hợp, Tỉnh Nghệ An	C1	370104001417	Ninh Bình	20/01/2026	Quá hạn	L
67	NGUYỄN HỒNG HẢI	18/09/1978	*****14	Xã Đông Lộc, Tỉnh Nghệ An	C1	400090014543	Nghệ An	13/05/2026	Quá hạn	L
68	TRẦN VĂN HẢI	01/12/1989	*****55	Xã Châu Bình, Tỉnh Nghệ An	C1	400169004446	Nghệ An	29/01/2026	Quá hạn	L
69	LÊ THỊ HẰNG	10/06/1996	*****63	Xã Quảng Châu, Tỉnh Nghệ An	B	421148004372	Hà Tĩnh	04/04/2026	Quá hạn	L
70	NGUYỄN THỊ HẰNG	02/12/1983	*****73	Phường Vinh Phú, Tỉnh Nghệ An	B	421161002050	Hà Tĩnh	04/05/2026	Quá hạn	L
71	NGUYỄN THỊ HẰNG	02/08/1978	*****09	Phường Vinh Lộc, Tỉnh Nghệ An	B	401127003989	Nghệ An	18/03/2026	Quá hạn	L
72	HỒ VĂN HẢO	01/11/1995	*****49	Phường Vinh Phú, Tỉnh Nghệ An	C1	400139044157	Nghệ An	16/05/2026	Quá hạn	L
73	BÙI THẾ HỆ	18/01/1988	*****73	Phường Vinh Lộc, Tỉnh Nghệ An	B	460165202572	Thừa Thiên Huế	01/04/2026	Quá hạn	L
74	PHAN VĂN HIẾN	21/12/1971	*****11	Xã Đại Đồng, Tỉnh Nghệ An	C1	400163015709	Nghệ An	31/05/2026	Quá hạn	L

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh hoặc hộ chiếu	Nơi cư trú	Hạng GPLX	Số GPLX	Cơ quan quản lý GPLX	Ngày hết hạn GPLX	Lý do SH	Nội dung sát hạch
75	TRẦN THỊ MINH HIỀN	06/12/1973	*****01	Phường Trường Vinh, Tỉnh Nghệ An	B	401164005205	Nghệ An	25/03/2026	Quá hạn	L
76	NGUYỄN HUY HIỀN	05/10/1972	*****43	Phường Cửa Lò, Tỉnh Nghệ An	C1	400131015638	Nghệ An	21/04/2026	Quá hạn	L
77	NGUYỄN CẢNH HIỆP	16/02/1982	*****64	Phường Trường Vinh, Tỉnh Nghệ An	C1	400129009878	Nghệ An	02/02/2026	Quá hạn	L
78	VÕ THỊ MINH HIẾU	14/08/1991	*****95	Xã Nghi Lộc, Tỉnh Nghệ An	B	401164004946	Nghệ An	17/03/2026	Quá hạn	L
79	NGUYỄN VĂN HÓA	01/06/1990	*****78	Xã Bạch Ngọc, Tỉnh Nghệ An	C1	400111015892	Nghệ An	12/05/2026	Quá hạn	L
80	ĐẶNG THỊ HÒA	24/09/1970	*****50	Phường Vinh Phú, Tỉnh Nghệ An	B	401111003812	Nghệ An	07/01/2026	Quá hạn	L
81	NGUYỄN BÁ HÒA	28/05/1954	*****42	Xã Đô Lương, Tỉnh Nghệ An	B01	400856000009	Nghệ An	29/11/2017	Quá hạn	L+H+Đ
82	NGUYỄN THỊ THANH HOÀI	25/02/1974	*****06	Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An	B	401092000215	Nghệ An	25/12/2023	Quá hạn	L+H+Đ
83	VÕ THỊ THU HOÀI	28/09/1985	*****58	Phường Trường Vinh, Tỉnh Nghệ An	B	401165007817	Nghệ An	05/05/2026	Quá hạn	L
84	NGUYỄN THẠC HOÀI	27/10/1975	*****91	Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An	B	400055001933	Nghệ An	22/05/2024	Quá hạn	L+H+Đ
85	HOÀNG VĂN HOÀI	10/09/1981	*****82	Xã Đại Đồng, Tỉnh Nghệ An	C1	400153045770	Nghệ An	10/09/2022	Quá hạn	Đ
86	NGUYỄN XUÂN HOÀI	01/05/1979	*****10	Xã Vạn An, Tỉnh Nghệ An	C1	400163013314	Nghệ An	13/05/2026	Quá hạn	L
87	HỒ MẠNH HOÀN	23/03/1989	*****92	Phường Quỳnh Mai, Tỉnh Nghệ An	B	400168013355	Nghệ An	13/05/2026	Quá hạn	L
88	LÊ HOÀNG	25/08/1988	*****33	Phường Vinh Hưng, Tỉnh Nghệ An	C1	400159016949	Nghệ An	27/05/2025	Quá hạn	L
89	ĐẶNG THƯỢNG HOÀNG	08/11/1982	*****99	Phường Thái Hòa, Tỉnh Nghệ An	C1	400163013387	Nghệ An	14/05/2026	Quá hạn	L
90	NGUYỄN ĐÌNH HỌC	17/07/1980	*****02	Phường Vinh Hưng, Tỉnh Nghệ An	B	420132004152	Nghệ An	25/04/2026	Quá hạn	L
91	NGUYỄN VĂN HỘI	07/02/1983	*****35	Xã Xuân Lâm, Tỉnh Nghệ An	C1	400044008440	Nghệ An	25/04/2026	Quá hạn	L
92	NGUYỄN ĐỨC HỒNG	25/08/1949	*****34	Phường Trường Vinh, Tỉnh Nghệ An	B01	400104011520	Nghệ An	23/03/2025	Quá hạn	L+H+Đ
93	HÀ VĂN HUỆ	27/10/1978	*****41	Xã Trung Lộc, Tỉnh Nghệ An	B	400161013493	Nghệ An	16/05/2026	Quá hạn	L

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh hoặc hộ chiếu	Nơi cư trú	Hạng GPLX	Số GPLX	Cơ quan quản lý GPLX	Ngày hết hạn GPLX	Lý do SH	Nội dung sát hạch
94	TRẦN VĂN HÙNG	05/11/1959	*****71	Phường Tân Mai, Tỉnh Nghệ An	B	400056007398	Nghệ An	04/12/2025	Quá hạn	L
95	LÊ SỸ HÙNG	27/10/1969	*****40	Phường Hoàng Mai, Tỉnh Nghệ An	B	400968000252	Nghệ An	20/11/2023	Quá hạn	L+H+Đ
96	LÊ THẾ HÙNG	18/12/1993	*****63	Phường Trường Vinh, Tỉnh Nghệ An	B	400129008491	Nghệ An	04/08/2025	Quá hạn	L
97	HOÀNG THANH HÙNG	16/05/1964	*****45	Xã Đông Hiếu, Tỉnh Nghệ An	B	400107008455	Nghệ An	19/11/2024	Quá hạn	H
98	LÊ MẠNH HÙNG	11/09/1982	*****49	Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An	C1	400055000466	Nghệ An	15/05/2023	Quá hạn	L+H+Đ
99	PHẠM QUỐC HÙNG	08/09/1960	*****87	Xã Lam Thành, Tỉnh Nghệ An	C1	400165008619	Nghệ An	23/03/2026	Quá hạn	L
100	HOÀNG SỸ HÙNG	05/01/1985	*****79	Xã Đô Lương, Tỉnh Nghệ An	C1	400160012060	Nghệ An	27/04/2026	Quá hạn	L
101	NGUYỄN QUỲNH HÙNG	22/02/1987	*****86	Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An	B	400161008309	Nghệ An	17/03/2026	Quá hạn	L
102	PHAN VĨNH HÙNG	27/08/1980	*****92	Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An	C1	400087098440	Nghệ An	17/11/2025	Quá hạn	L
103	HỒ THỊ HOÀI HƯƠNG	14/04/1971	*****88	Phường Vinh Phú, Tỉnh Nghệ An	B	401055000393	Nghệ An	14/04/2026	Quá hạn	L
104	NGUYỄN QUANG HUY	03/02/1978	*****89	Phường Vinh Phú, Tỉnh Nghệ An	B	400045002591	Nghệ An	17/09/2024	Quá hạn	L+H+Đ
105	NGUYỄN QUỐC KHÁNH	10/04/1997	*****11	Phường Bắc Gianh, Tỉnh Quảng Trị	C1	310152023034	Hải Phòng	05/08/2025	Quá hạn	L
106	NGUYỄN ĐĂNG KHOA	10/07/1958	*****61	Phường Vinh Lộc, Tỉnh Nghệ An	C1	400117010730	Nghệ An	08/09/2025	Quá hạn	L
107	NGUYỄN KHÁNH KIÊN	25/05/1992	*****49	Xã Hưng Nguyên, Tỉnh Nghệ An	C1	400166002887	Nghệ An	24/01/2026	Quá hạn	L
108	TRẦN THỊ HOÀNG KIM	18/06/1985	*****18	Phường Vinh Hưng, Tỉnh Nghệ An	B	401165006674	Nghệ An	19/04/2026	Quá hạn	L
109	PHẠM NGỌC KIM	27/10/1964	*****84	Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An	C1	400076007594	Nghệ An	25/11/2025	Quá hạn	L
110	NGUYỄN THÁI KÍNH	25/05/1975	*****37	Xã Đô Lương, Tỉnh Nghệ An	C1	400115014455	Nghệ An	27/02/2026	Quá hạn	L
111	NGUYỄN VĂN KÍNH	26/07/1993	*****34	Phường Vinh Lộc, Tỉnh Nghệ An	C1	400153040694	Nghệ An	17/11/2025	Quá hạn	L
112	LÃ TRƯỜNG KỶ	01/08/1982	*****70	Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An	B	400101010195	Nghệ An	15/01/2025	Quá hạn	H

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh hoặc hộ chiếu	Nơi cư trú	Hạng GPLX	Số GPLX	Cơ quan quản lý GPLX	Ngày hết hạn GPLX	Lý do SH	Nội dung sát hạch
113	NGUYỄN HỮU KỶ	10/01/1968	*****20	Xã Yên Xuân, Tỉnh Nghệ An	B	400181009757	Nghệ An	19/04/2023	Quá hạn	Đ
114	TRƯƠNG VĂN KỶ	10/11/1979	*****95	Xã Hoa Quân, Tỉnh Nghệ An	C1	400168000287	Nghệ An	05/01/2026	Quá hạn	L
115	TRẦN VĂN LAM	21/03/1978	*****78	Xã Quang Đồng, Tỉnh Nghệ An	C1	400122012390	Nghệ An	21/04/2026	Quá hạn	L
116	PHẠM KIM LIÊN	10/02/1962	*****34	Xã Vạn An, Tỉnh Nghệ An	B01	400023001303	Nghệ An	17/02/2025	Quá hạn	L+H+Đ
117	MAI VĂN LINH	07/07/1990	*****55	Phường Trường Vinh, Tỉnh Nghệ An	B	400155019564	Nghệ An	14/06/2025	Quá hạn	L
118	NGUYỄN THỊ LOAN	25/06/1985	*****07	Xã Đại Đồng, Tỉnh Nghệ An	B	401155024729	Nghệ An	30/09/2025	Quá hạn	L
119	BÙI ĐỨC LỢI	27/09/1981	*****78	Phường Vinh Phú, Tỉnh Nghệ An	C1	400116014168	Nghệ An	27/01/2026	Quá hạn	L
120	LÊ VIỆT LONG	25/05/1955	*****47	Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An	B	400118016122	Nghệ An	21/05/2026	Quá hạn	L
121	NGUYỄN THÀNH LUÂN	15/12/1983	*****68	Xã Văn Kiều, Tỉnh Nghệ An	B	010165006858	Hà Nội	25/01/2026	Quá hạn	L
122	NGUYỄN XUÂN LƯƠNG	13/10/1991	*****04	Xã Phúc Lộc, Tỉnh Nghệ An	B	400159036433	Nghệ An	12/10/2025	Quá hạn	L
123	LÊ THANH MAI	20/08/1971	*****84	Phường Tây Hiếu, Tỉnh Nghệ An	B	400091004509	Nghệ An	26/05/2024	Quá hạn	L+H+Đ
124	HÀ THỊ MAI	21/10/1987	*****31	Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An	B	AT231601	Nghệ An	26/09/2021	Quá hạn	L+H+Đ
125	NGUYỄN NGỌC MẠNH	27/05/1993	*****62	Xã Diễn Châu, Tỉnh Nghệ An	C1	010157026075	Hà Nội	15/04/2025	Quá hạn	L
126	ĐÀO VĂN MẠNH	10/11/1992	*****63	Phường Trường Vinh, Tỉnh Nghệ An	C1	400151021486	Nghệ An	30/06/2025	Quá hạn	L
127	NGUYỄN VĂN MẠNH	07/06/1990	*****77	Xã Hạnh Lâm, Tỉnh Nghệ An	C1	400152036454	Nghệ An	12/10/2025	Quá hạn	L
128	ĐINH QUANG MÃO	14/09/1975	*****24	Xã Quỳnh Lưu, Tỉnh Nghệ An	B	400120012208	Nghệ An	07/04/2026	Quá hạn	L
129	NGUYỄN VIỆT MINH	10/08/1978	*****49	Xã Hùng Châu, Tỉnh Nghệ An	C1	420115003473	Hà Tĩnh	28/01/2026	Quá hạn	L
130	NGUYỄN VĂN MINH	20/10/1964	*****71	Phường Vinh Phú, Tỉnh Nghệ An	C1	400120011227	Nghệ An	12/01/2026	Quá hạn	L

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh hoặc hộ chiếu	Nơi cư trú	Hạng GPLX	Số GPLX	Cơ quan quản lý GPLX	Ngày hết hạn GPLX	Lý do SH	Nội dung sát hạch
131	DƯƠNG TRÀ MY	25/10/1988	*****29	Phường Vinh Lộc, Tỉnh Nghệ An	B	401162006671	Nghệ An	19/04/2026	Quá hạn	L
132	TRẦN ĐOÀN HUYỀN MY	13/05/1990	*****52	Phường Trường Vinh, Tỉnh Nghệ An	C1	401165006683	Nghệ An	19/04/2026	Quá hạn	L
133	LÊ NA	02/01/1980	*****84	Phường Trường Vinh, Tỉnh Nghệ An	B	401163005213	Nghệ An	25/03/2026	Quá hạn	L
134	CHU VĂN NAM	18/12/1988	*****68	Phường Vinh Hưng, Tỉnh Nghệ An	B	400160008867	Nghệ An	26/03/2026	Quá hạn	L
135	ĐÌNH TRỌNG NAM	24/05/1996	*****66	Xã Bình Minh, Tỉnh Nghệ An	C1	400150025607	Nghệ An	27/07/2025	Quá hạn	L
136	PHAN THANH NAM	11/06/1990	*****60	Phường Vinh Lộc, Tỉnh Nghệ An	C1	400167005713	Nghệ An	03/02/2026	Quá hạn	L
137	NGUYỄN THỊ NGÂN	08/05/1976	*****71	Xã Văn Tụ, Tỉnh Nghệ An	C1	401169006290	Nghệ An	11/04/2026	Quá hạn	L
138	TRẦN QUỐC NGHĨA	12/03/1989	*****05	Phường Vinh Lộc, Tỉnh Nghệ An	C1	400159031816	Nghệ An	26/08/2025	Quá hạn	L
139	LÂM NGỌC	12/08/1967	*****8	Phường Vinh Hưng, Tỉnh Nghệ An	B	400017002136	Nghệ An	26/05/2025	Quá hạn	L
140	TRỊNH VĂN NGỌC	06/05/1981	*****42	Xã Châu Bình, Tỉnh Nghệ An	C1	400167004633	Nghệ An	31/01/2026	Quá hạn	L
141	NGUYỄN HỮU NGỌC	01/03/1987	*****19	Xã Quỳnh Anh, Tỉnh Nghệ An	C1	310163841739	Nghệ An	04/02/2026	Quá hạn	L
142	PHAN ĐÌNH NGUYỄN	12/10/1973	*****32	Xã Quỳnh Hợp, Tỉnh Nghệ An	C1	400129008194	Nghệ An	16/07/2025	Quá hạn	L
143	ĐÌNH THỊ NGUYỆT	16/10/1979	*****08	Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An	B01	401135010393	Nghệ An	05/06/2023	Quá hạn	L+H+Đ
144	NGUYỄN THỊ NGUYỆT	25/08/1960	*****46	Phường Tây Hiếu, Tỉnh Nghệ An	B	401073002135	Nghệ An	15/01/2026	Quá hạn	L
145	NGUYỄN ĐÌNH NHƯ	01/10/1974	*****47	Phường Cửa Lò, Tỉnh Nghệ An	C1	400124013643	Nghệ An	27/05/2026	Quá hạn	L
146	NGUYỄN HỮU NINH	20/03/1964	*****90	Phường Đại Mỹ, TP Hà Nội	B	400019002426	Nghệ An	13/07/2025	Quá hạn	L
147	VÕ THỊ OANH	19/09/1966	*****36	Xã Diễn Châu, Tỉnh Nghệ An	B	401116004870	Nghệ An	27/07/2026	Quá hạn	L

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh hoặc hộ chiếu	Nơi cư trú	Hạng GPLX	Số GPLX	Cơ quan quản lý GPLX	Ngày hết hạn GPLX	Lý do SH	Nội dung sát hạch
148	LÊ THỊ OANH	08/02/1985	*****46	Xã Kim Bảng, Tỉnh Nghệ An	C1	401163005178	Nghệ An	23/03/2026	Quá hạn	L
149	HÀ THỊ OANH	03/09/1982	*****55	Xã Thiên Nhân, Tỉnh Nghệ An	C1	401160009432	Nghệ An	25/05/2026	Quá hạn	L
150	VŨ ANH PHI	02/12/1980	*****03	Xã Đô Lương, Tỉnh Nghệ An	C1	400090013814	Nghệ An	14/03/2026	Quá hạn	L
151	NGUYỄN HOÀNG PHI	21/10/1984	*****56	Phường Trường Vinh, Tỉnh Nghệ An	C1	400160013988	Nghệ An	18/05/2026	Quá hạn	L
152	HỒ VĂN PHÚ	29/04/1972	*****10	Xã Lam Thành, Tỉnh Nghệ An	C1	400117007969	Nghệ An	14/04/2025	Quá hạn	L+H+Đ
153	NGUYỄN VĂN ĐỨC PHÚC	16/06/1995	*****05	Xã Thuần Trung, Tỉnh Nghệ An	C1	400162009129	Nghệ An	29/03/2026	Quá hạn	L
154	NGUYỄN BÙI PHƯƠNG	13/10/1982	*****14	Xã Đô Lương, Tỉnh Nghệ An	B	400100015801	Nghệ An	21/08/2025	Quá hạn	L
155	NGUYỄN ĐÌNH PHƯỢNG	06/02/1966	*****34	Xã Tân An, Tỉnh Nghệ An	B	370047013928	Ninh Bình	06/02/2021	Quá hạn	L+H+Đ
156	NGÔ QUÀ	17/11/1984	*****71	Phường Vinh Lộc, Tỉnh Nghệ An	C1	400118016041	Nghệ An	19/05/2026	Quá hạn	L
157	NGUYỄN VĂN QUANG	29/05/1977	*****84	Phường Vinh Phú, Tỉnh Nghệ An	B	990159889901	Hà Nội	06/04/2025	Quá hạn	Đ
158	TRƯƠNG NGỌC QUANG	25/09/1995	*****48	Phường Quảng Trị, Tỉnh Quảng Trị	C1	460144005446	Thừa Thiên Huế	04/01/2026	Quá hạn	L
159	LÊ HỒNG QUẢNG	19/09/1970	*****38	Phường Trường Vinh, Tỉnh Nghệ An	B	420020210234	Hà Tĩnh	15/01/2023	Quá hạn	L
160	ĐẬU XUÂN QUÝ	06/07/1984	*****30	Phường Vinh Lộc, Tỉnh Nghệ An	B	400157042795	Nghệ An	02/12/2025	Quá hạn	L
161	NGUYỄN SỸ QUÝ	10/08/1992	*****19	Xã Hùng Châu, Tỉnh Nghệ An	C1	80037814	Hà Nội	20/06/2021	Quá hạn	Đ
162	LƯU ĐỨC QUYẾT	12/03/1973	*****79	Xã Hưng Nguyên, Tỉnh Nghệ An	C1	400052007691	Nghệ An	15/04/2026	Quá hạn	L
163	PHẠM BÁ QUYẾT	03/02/1988	*****64	Xã Xuân Lâm, Tỉnh Nghệ An	C1	400101010654	Nghệ An	07/05/2026	Quá hạn	L
164	BÙI THỊ THÚY QUỲNH	06/06/1990	*****52	Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An	C1	401167000311	Nghệ An	08/01/2026	Quá hạn	L

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh hoặc hộ chiếu	Nơi cư trú	Hạng GPLX	Số GPLX	Cơ quan quản lý GPLX	Ngày hết hạn GPLX	Lý do SH	Nội dung sát hạch
165	MAI THÚY QUỲNH	17/10/1996	*****69	Phường Hoàng Mai, Tỉnh Nghệ An	C1	401168005975	Nghệ An	02/04/2026	Quá hạn	L
166	HOÀNG THANH SÂM	01/01/1978	*****22	Xã Tân Châu, Tỉnh Nghệ An	C1	400033987165	Nghệ An	05/05/2026	Quá hạn	L
167	NGUYỄN VĂN SÂM	10/08/1978	*****58	Xã Văn Kiều, Tỉnh Nghệ An	C1	400113015696	Nghệ An	29/04/2026	Quá hạn	L
168	BÙI DANH SƠN	28/06/1967	*****76	Phường Vinh Phú, Tỉnh Nghệ An	B	400046010700	Nghệ An	20/04/2026	Quá hạn	L
169	PHAN VĂN SƠN	10/02/1983	*****69	Phường Vinh Phú, Tỉnh Nghệ An	B01	400132018438	Nghệ An	12/06/2023	Quá hạn	L+H+Đ
170	PHẠM MINH SƠN	22/12/1983	*****47	Xã Đông Lộc, Tỉnh Nghệ An	B01	400152666671	Nghệ An	31/12/2025	Quá hạn	L
171	NGUYỄN VĂN SƠN	20/10/1972	*****14	Phường Trường Vinh, Tỉnh Nghệ An	C1	400150033527	Nghệ An	07/09/2025	Quá hạn	L
172	VŨ VĂN SƠN	08/01/1990	*****69	Xã Đức Châu, Tỉnh Nghệ An	C1	400102015038	Nghệ An	22/07/2025	Quá hạn	L
173	HOÀNG LIÊN SƠN	01/10/1979	*****70	Xã Văn Hiến, Tỉnh Nghệ An	C1	400105018777	Nghệ An	02/02/2026	Quá hạn	L
174	NGUYỄN KHẮC SƠN	02/09/1982	*****72	Xã Nam Phù, TP Hà Nội	C1	010118035926	Hà Nội	03/03/2026	Quá hạn	L
175	NGÔ THỊ SONG	26/01/1982	*****14	Phường Vinh Hưng, Tỉnh Nghệ An	B	401167005992	Nghệ An	02/04/2026	Quá hạn	L
176	TRẦN HỮU SỸ	27/05/1986	*****56	Xã Bích Hào, Tỉnh Nghệ An	C1	400133000311	Nghệ An	07/03/2026	Quá hạn	L
177	CHU ĐỨC TÀI	12/03/1991	*****85	Xã Quảng Châu, Tỉnh Nghệ An	B	310147004716	Hải Phòng	06/03/2024	Quá hạn	Đ
178	LÊ TRUNG TÂM	15/11/1963	*****62	Phường Tây Hiếu, Tỉnh Nghệ An	B	400076007990	Nghệ An	20/01/2026	Quá hạn	L
179	NGUYỄN THÀNH TÂM	28/03/1977	*****98	Phường Vinh Phú, Tỉnh Nghệ An	B	AR538442	Nghệ An	21/04/2016	Quá hạn	L+H+Đ
180	NGUYỄN QUỐC TÂN	20/05/1957	*****46	Xã Tân Kỳ, Tỉnh Nghệ An	C1	400154043421	Nghệ An	11/12/2025	Quá hạn	L
181	TRẦN TRỌNG TẤN	26/04/1977	*****42	Xã Thiên Nhân, Tỉnh Nghệ An	C1	400086103262	Nghệ An	06/04/2025	Quá hạn	L+H+Đ

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh hoặc hộ chiếu	Nơi cư trú	Hạng GPLX	Số GPLX	Cơ quan quản lý GPLX	Ngày hết hạn GPLX	Lý do SH	Nội dung sát hạch
182	ĐẬU NGỌC THẮNG	15/12/1986	*****34	Phường Vinh Hưng, Tỉnh Nghệ An	B	010150093957	Hà Nội	08/12/2025	Quá hạn	L
183	VŨ ĐÌNH THẮNG	01/01/1986	*****24	Phường Định Công, TP Hà Nội	B01	010119016360	Hà Nội	03/06/2025	Quá hạn	L+H+Đ
184	ĐÌNH THỊ VÂN THẮNG	17/01/1980	*****02	Phường Trường Vinh, Tỉnh Nghệ An	B	401161001990	Nghệ An	29/01/2026	Quá hạn	L
185	HỒ THỊ THANH	02/04/1988	*****45	Phường Vinh Phú, Tỉnh Nghệ An	B	401165006007	Nghệ An	02/04/2026	Quá hạn	L
186	LƯƠNG KHẮC THANH	05/05/1954	*****60	Phường Vinh Phú, Tỉnh Nghệ An	B	400069006193	Nghệ An	04/12/2025	Quá hạn	L
187	VÕ TIẾN THÀNH	11/10/1960	*****45	Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An	B	400108017988	Nghệ An	10/12/2025	Quá hạn	L
188	TRẦN NGỌC THÀNH	02/03/1973	*****07	Xã Đô Lương, Tỉnh Nghệ An	C1	400141020866	Nghệ An	06/04/2025	Quá hạn	L+H+Đ
189	NGUYỄN VĂN THÊM	05/03/1965	*****53	Xã Tân Kỳ, Tỉnh Nghệ An	B	400099003959	Nghệ An	09/10/2025	Quá hạn	L
190	VÕ ĐỨC THIỆN	07/07/1988	*****31	Xã Đại Huệ, Tỉnh Nghệ An	B	400123019079	Nghệ An	13/02/2022	Quá hạn	L+H+Đ
191	NGUYỄN VIỆT THIẾT	02/08/1992	*****50	Phường Trường Vinh, Tỉnh Nghệ An	B	400163013422	Nghệ An	14/05/2026	Quá hạn	L
192	NGUYỄN VĂN THÌN	01/08/1988	*****61	Phường Cửa Lò, Tỉnh Nghệ An	C1	400115007381	Nghệ An	30/01/2026	Quá hạn	L
193	NGUYỄN VĂN THỌ	12/12/1983	*****18	Phường Tân Mai, Tỉnh Nghệ An	C1	380165006317	Thanh Hóa	05/04/2026	Quá hạn	L
194	ĐẶNG XUÂN THỎA	01/11/1957	*****03	Phường Trường Vinh, Tỉnh Nghệ An	B	400095011352	Nghệ An	26/07/2025	Quá hạn	L
195	NGUYỄN XUÂN THƠM	21/02/1978	*****54	Phường Trường Vinh, Tỉnh Nghệ An	C1	400100016468	Nghệ An	23/09/2025	Quá hạn	L
196	ĐOÀN THỊ LỆ THU	06/09/1980	*****44	Xã Nghi Xuân, Tỉnh Hà Tĩnh	B	401162008309	Nghệ An	13/05/2026	Quá hạn	L
197	NGUYỄN THỊ HỒNG THU	17/10/1985	*****61	Xã Quỳnh Lưu, Tỉnh Nghệ An	C1	401169006704	Nghệ An	20/04/2026	Quá hạn	L
198	TRẦN VĂN THỤ	15/08/1983	*****91	Phường Vinh Phú, Tỉnh Nghệ An	C1	AX121291	Nghệ An	17/09/2022	Quá hạn	Đ

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh hoặc hộ chiếu	Nơi cư trú	Hạng GPLX	Số GPLX	Cơ quan quản lý GPLX	Ngày hết hạn GPLX	Lý do SH	Nội dung sát hạch
199	NGUYỄN QUỐC THỨC	20/07/1961	*****31	Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An	B	400156017981	Nghệ An	02/06/2025	Quá hạn	L
200	CAO XUÂN THƯỜNG	10/10/1964	*****53	Xã Tân Châu, Tỉnh Nghệ An	B	400113016280	Nghệ An	01/06/2026	Quá hạn	L
201	NGUYỄN THỊ THÚY	06/08/1977	*****64	Xã Kim Liên, Tỉnh Nghệ An	B	401106003296	Nghệ An	01/09/2025	Quá hạn	L
202	TRẦN THỊ HƯƠNG THÚY	07/09/1988	*****91	Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An	B01	400138044912	Nghệ An	20/11/2023	Quá hạn	L+H+Đ
203	VI VĂN THỦY	11/07/1984	*****56	Xã Mường Ham, Tỉnh Nghệ An	C1	400086111227	Vĩnh Phúc	30/03/2026	Quá hạn	L
204	HOÀNG THANH TIẾN	06/07/1985	*****90	Phường Cửa Lò, Tỉnh Nghệ An	B	AS043243	Nghệ An	02/06/2021	Quá hạn	L+H+Đ
205	ĐINH VIỆT TIẾN	27/12/1986	*****62	Xã Tam Hợp, Tỉnh Nghệ An	C1	400103018207	Nghệ An	29/12/2025	Quá hạn	L
206	TRƯƠNG VĂN TIỆP	14/10/1977	*****08	Đông Vinh, Vinh, Nghệ An	C1	AS498859	Nghệ An	25/07/2021	Quá hạn	L+H+Đ
207	VÕ ĐÌNH TOÀN	16/08/1997	*****80	Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An	B	400156030544	Nghệ An	31/03/2026	Quá hạn	L
208	PHẠM VĂN TOÀN	07/07/1989	*****94	Xã Diễn Châu, Tỉnh Nghệ An	B	400154025647	Nghệ An	27/07/2025	Quá hạn	L
209	TRẦN SONG TOÀN	30/08/1957	*****60	Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An	C1	400153043583	Nghệ An	14/12/2025	Quá hạn	L
210	THÁI ĐÌNH ANH TRAI	16/12/1989	*****82	Xã Lương Sơn, Tỉnh Nghệ An	C1	400151041204	Nghệ An	23/01/2026	Quá hạn	L
211	NGUYỄN THỊ TRANG	05/02/1988	*****14	Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An	B01	401145015405	Nghệ An	05/08/2024	Quá hạn	L+H+Đ
212	NGUYỄN TIẾN TRIỂN	16/08/1982	*****82	Phường Trần Lâm, Tỉnh Hưng Yên	C1	400155022029	Nghệ An	03/07/2025	Quá hạn	L
213	TRẦN VĂN TRIỀU	02/09/1984	*****67	Xã Đô Lương, Tỉnh Nghệ An	C1	400104017065	Nghệ An	14/10/2025	Quá hạn	L
214	LÊ THẾ TRỌNG	01/02/1984	*****77	Xã Đan Hải, Tỉnh Hà Tĩnh	B	560158002270	Khánh Hòa	07/04/2025	Quá hạn	L+H+Đ
215	LÊ VĂN TRUNG	03/06/1989	*****25	Xã Đại Huệ, Tỉnh Nghệ An	C1	400087101201	Nghệ An	19/12/2023	Quá hạn	H

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh hoặc hộ chiếu	Nơi cư trú	Hạng GPLX	Số GPLX	Cơ quan quản lý GPLX	Ngày hết hạn GPLX	Lý do SH	Nội dung sát hạch
216	NGUYỄN THỂ TRUNG	01/09/1991	*****42	Phường Trường Vinh, Tỉnh Nghệ An	C1	270133007229	Bắc Ninh	18/09/2023	Quá hạn	L+H+Đ
217	PHAN VĂN TRUNG	21/10/1996	*****94	Xã Quảng Châu, Tỉnh Nghệ An	C1	400174020794	Nghệ An	28/05/2026	Quá hạn	L
218	TRẦN VĂN TRƯỜNG	06/10/1985	*****62	Xã Kim Liên, Tỉnh Nghệ An	C1	400159020106	Nghệ An	21/06/2025	Quá hạn	L
219	NGUYỄN THỊ TÚ	19/08/1971	*****51	Phường Vinh Phú, Tỉnh Nghệ An	B01	401017000001	Nghệ An	18/01/2023	Quá hạn	L+H+Đ
220	NGUYỄN ĐÌNH ANH TÚ	26/11/1993	*****53	Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An	B	400166014389	Nghệ An	20/05/2026	Quá hạn	L
221	NGÔ SỸ TỬ	20/12/1966	*****29	Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An	C1	37003573	Nghệ An	25/04/2026	Quá hạn	L
222	NGUYỄN CÔNG TỰ	15/03/1980	*****79	Xã Minh Châu, Tỉnh Nghệ An	B01	400165028103	Nghệ An	03/11/2021	Quá hạn	H
223	TRẦN HỮU TUẤN	29/09/1988	*****02	Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An	B	400152016555	Nghệ An	04/12/2025	Quá hạn	L
224	VŨ ĐÌNH TUẤN	29/10/1977	*****33	Xã Quỳnh Phụ, Tỉnh Hưng Yên	C1	400110014496	Nghệ An	02/03/2026	Quá hạn	L
225	LÊ THANH TUẤN	23/06/1979	*****47	Phường Trường Vinh, Tỉnh Nghệ An	C1	AU453419	Nghệ An	12/01/2022	Quá hạn	Đ
226	NGUYỄN THANH TÙNG	18/10/1993	*****58	Phường Trường Vinh, Tỉnh Nghệ An	B	400160012033	Nghệ An	27/04/2026	Quá hạn	L
227	NGUYỄN THỊ MINH TUYẾT	03/01/1980	*****45	Xã Sơn Hồng, Tỉnh Hà Tĩnh	B	401093000928	Nghệ An	19/08/2024	Quá hạn	L+H+Đ
228	LÊ HẢI VÂN	13/03/1973	*****62	Xã Đô Lương, Tỉnh Nghệ An	B	400994001722	Nghệ An	12/07/2021	Quá hạn	L+H+Đ
229	PHAN VĂN VÂN	03/04/1983	*****28	Xã Yên Thành, Tỉnh Nghệ An	B01	400156666675	Nghệ An	31/12/2025	Quá hạn	L
230	NGUYỄN ĐÌNH VẤN	07/01/1991	*****70	Phường Phú Thuận, TP Hồ Chí Minh	C1	400124012464	Nghệ An	26/04/2026	Quá hạn	L
231	TRƯƠNG VĂN VIÊN	30/10/1988	*****28	Xã Hùng Châu, Tỉnh Nghệ An	C1	400116014393	Nghệ An	26/02/2026	Quá hạn	L
232	ĐÀM QUANG VIỆT	05/03/1963	*****59	Xã Vĩnh Tường, Tỉnh Nghệ An	B	AL894149	Nghệ An	04/11/2014	Quá hạn	H

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh hoặc hộ chiếu	Nơi cư trú	Hạng GPLX	Số GPLX	Cơ quan quản lý GPLX	Ngày hết hạn GPLX	Lý do SH	Nội dung sát hạch
233	TRẦN QUỐC VIỆT	12/09/1983	*****04	Phường Trường Vinh, Tỉnh Nghệ An	C1	400118009247	Nghệ An	29/06/2025	Quá hạn	L
234	NGUYỄN GIA VIỆT	01/10/1977	*****19	Xã Đại Đồng, Tỉnh Nghệ An	C1	400170005841	Nghệ An	27/02/2022	Quá hạn	Đ
235	NGUYỄN XUÂN VINH	15/05/1963	*****72	Xã Phúc Lộc, Tỉnh Nghệ An	B01	400104010431	Nghệ An	22/01/2025	Quá hạn	L+H+Đ
236	ĐINH HỒNG VINH	10/09/1978	*****79	Phường Vinh Phú, Tỉnh Nghệ An	B01	400084799999	Nghệ An	07/10/2023	Quá hạn	L+H+Đ
237	LÊ QUANG VINH	28/08/1992	*****63	Xã Tân Châu, Tỉnh Nghệ An	B	400154024639	Nghệ An	22/07/2025	Quá hạn	L
238	LÊ THỊ VINH	22/08/1966	*****04	Phường Vinh Hưng, Tỉnh Nghệ An	B	401056001050	Nghệ An	16/07/2025	Quá hạn	L
239	TRẦN XUÂN VINH	20/11/1989	*****60	Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An	C1	400122010798	Nghệ An	21/12/2025	Quá hạn	L
240	NGUYỄN SỸ VINH	22/07/1985	*****12	Phường Trường Vinh, Tỉnh Nghệ An	C1	400101012300	Nghệ An	16/04/2025	Quá hạn	L+H+Đ
241	NGUYỄN TIẾN VINH	04/02/1987	*****49	Xã Quỳnh Hợp, Tỉnh Nghệ An	C1	010138027392	Nghệ An	24/03/2026	Quá hạn	L
242	HOÀNG ĐỨC VƯƠNG	15/10/1986	*****95	Xã Minh Châu, Tỉnh Nghệ An	B	400110013992	Nghệ An	23/01/2026	Quá hạn	L
243	PHẠM MINH VƯƠNG	17/11/1989	*****81	Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An	B	400160004573	Nghệ An	30/01/2026	Quá hạn	L
244	NGUYỄN NGỌC XUÂN	24/12/1977	*****11	Xã Nghĩa Thọ, Tỉnh Nghệ An	C1	400104001576	Nghệ An	05/01/2023	Quá hạn	L
245	NGUYỄN VĂN Ý	19/05/1989	*****19	Xã Hạnh Lâm, Tỉnh Nghệ An	C1	AU952016	Nghệ An	20/04/2022	Quá hạn	L+H+Đ
246	HOÀNG THỊ HÀ VY	08/05/1980	*****27	Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An	B,01	AS882659	Nghệ An	27/08/2021	Quá hạn	L+H+Đ
247	THÁI THỊ YẾN	20/09/1990	*****83	Xã Tiên Phong, Tỉnh Nghệ An	C1	401158017144	Nghệ An	24/07/2025	Quá hạn	L